

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2021 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định ngày 06/4/2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ 2023-2028 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định ngày 06/4/2023.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nam Định

Điều 21: Thông qua kết quả Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028:

2.1 Thành viên HĐQT gồm các ông bà có tên sau:

1. Ông Trần Đăng Quý – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Sỹ Long – Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đinh Văn Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT
4. Ông Trần Ngọc Chiến – Thành viên HĐQT
5. Ông Đỗ Hữu Minh - Thành viên HĐQT
6. Ông Trần Ngọc Bảo – Thành viên HĐQT
7. Bà Kiều Hải Anh – Thành viên HĐQT

2.2 Thành viên BKS gồm các ông bà có tên sau:

1. Bà Nguyễn Thị Luyến – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Văn Ngôn – Thành viên
3. Ông Trần Hồng Đức – Thành viên

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2028

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023; định hướng nhiệm kỳ 2023 – 2028.



Điều 5: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc năm 2022 và kế hoạch năm 2023;

Điều 6: Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.496.569.565
II	Phân phối lợi nhuận	
1	Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền (8,0%/VDL)	27.382.438.400
1.1	- Đã tạm ứng ngày 30/12/2022: (5%/VDL)	17.114.024.000
1.2	- Số còn lại: 3%/VDL	10.268.414.400
2	Trích quỹ đầu tư phát triển (trích nguồn, khi sử dụng sẽ báo cáo cơ quan chủ sở hữu)	1.131.853.665
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.524.829.000
4	Thưởng HĐQT, BKS và BDH	457.448.500

Điều 7: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số chỉ tiêu cụ thể như sau và Kế hoạch SXKD giai đoạn 2023 - 2028

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	23.936
2	Doanh thu tiền nước (Không bao gồm VAT và phí nước thải)	Tỷ đồng	247,00
3	Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	71,50
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	35,00
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,7
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,90
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,0
8	Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị liên danh để tham gia đấu thầu lựa chọn Chủ đầu tư dự án nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh và xã Hải Trung huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.		

Điều 8: Thông qua Tờ trình kế hoạch mức chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thụ ký Công ty năm 2023 là: 724,8 triệu đồng

Điều 9: Thông qua Tờ trình Đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 phê duyệt tiêu chí tại tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT thực hiện.



Điều 10: Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ 2023 - 2028 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định thông qua, tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11: Thời gian, hiệu lực thi hành tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nam Định;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- CBTT: UBCK, HNX, Web Công ty;
- Lưu TK.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Đăng Quý



**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
NHIỆM KỲ 2023 - 2028
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH**

Hôm nay, vào hồi 7h30 ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Khách sạn Vị Hoàng, 153 đường Nguyễn Du, phường Vị Hoàng, thành phố Nam Định, Công ty cổ phần cấp nước Nam Định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ 2023-2028.

Thành phần dự họp:

Tổng số cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định theo danh sách chốt ngày 06/3/2023 là 522 cổ đông.

Diễn biến cuộc họp

1. Ông Đỗ Hữu Minh – Phó Tổng giám đốc Công ty tuyên bố lý do và Ban kiểm tra tư cách cổ đông được HĐQT thông qua gồm có:

- Ông Trần Đức Quang – Trưởng ban
- Ông Nguyễn Văn Ngôn – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Liên Chi – Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thành viên
- Bà Đinh Thị Diệu Linh – Thành viên
- Bà Lê Hà My – Thành viên

2. Ông Trần Đức Quang thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông (Biên bản đính kèm)

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 34.228.408 cổ phần tương đương với 34.228.408 quyền biểu quyết (01 cổ phần/01 quyền biểu quyết)

- Tổng số được mời theo danh sách chốt ngày 06/3/2023 là: 522 cổ đông, đại diện cho 34.228.408 cổ phần và tương ứng với 34.228.408 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tại thời điểm khai mạc Đại hội (8h), số cổ đông tham dự và ủy quyền hợp lệ tham dự và biểu quyết tại đại hội là 28 cổ đông, đại diện 34.105.348 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,64% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ 2023- 2028 ngày 06/4/2023 của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định đủ điều kiện tiến hành.

3. Ông Đỗ Hữu Minh thay mặt BTC thông qua Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm

- Ông Trần Đăng Quý – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa



- Ông Nguyễn Sỹ Long – Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc

- Ông Bùi Xuân Thiêm – Phó Tổng giám đốc

4. Ông Trần Đăng Quý, Chủ tịch HĐQT, chủ tọa Đại hội cảm ơn và chào mừng các đại biểu đến dự Đại hội.

Chủ tọa Đại hội đề xuất Ban Thư ký gồm:

- Bà Nguyễn Thị Liên Chi – Thư ký Công ty

- Bà Trần Minh Phương – Phó phòng KHKT.

Và giới thiệu thành viên Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Vũ Văn Trung – Trưởng ban

- Ông Trần Đức Quang – Thành viên

- Ông Mai Trung Tiến – Thành viên

- Ông Huỳnh Vũ Ngọc – Thành viên

- Ông Nguyễn Ngọc Luyện – Thành viên

- Ông Phạm Quang Đăng – Thành viên

- Ông Trần Đức Lượng – Thành viên

- Ông Vũ Đức Trọng – Thành viên

Ông Trần Đăng Quý xin ý kiến Đại hội thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội nhất trí thông qua Danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

5. Ông Trần Đăng Quý giới thiệu ông Trần Ngọc Chiến – Thành viên HĐQT thông qua chương trình và quy chế làm việc của Đại hội.

(Tài liệu phục vụ cuộc họp đã được đăng tải trên website của Công ty: www.capnuocnamdinh.vn)

6. Ông Trần Đăng Quý giới thiệu Ông Bùi Xuân Thiêm thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Nam Định.

Ông Trần Đăng Quý thay mặt đoàn Chủ tịch xin ý kiến Đại hội Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

Đại hội nhất trí thông qua với kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%

- Số phiếu không tán thành: Không

- Số phiếu không có ý kiến: Không

7. Ông Trần Đăng Quý – Chủ tịch HĐQT trình bày thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 (có sơ yếu lý lịch kèm theo).

8. Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

- Hình thức biểu quyết: 01 lần bằng hình thức bỏ phiếu kín

- Tại thời điểm tiến hành biểu quyết có 28 cổ đông và đại diện ủy quyền cổ đông với tổng số cổ phần 34.105.348 cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

600
NA
IGT
CẤP
NAP
BIN

9. Ông Nguyễn Sỹ Long – Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Công ty trình bày báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch SXKD giai đoạn 2023-2028 (chi tiết tại Báo cáo đính kèm)

10. Ông Trần Đăng Quý – chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo của HĐQT năm 2022 (chi tiết báo cáo đính kèm)

11. Bà Nguyễn Thị Luyện – Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo giám sát của BKS năm 2022 (báo cáo đính kèm). Một số kết luận chính của báo cáo

* Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022 mà ĐHCĐ giao

- Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính, trích lập dự phòng đầy đủ.

* Về Quản trị điều hành

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng

- Các vấn đề ra quyết định đều được thảo luận và thông qua đầy đủ tới BDH và BKS

- Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT

12. Ông Bùi Xuân Thiêm – thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua các tờ trình:

- Tờ trình thông qua kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023; Kế hoạch SXKD giai đoạn 2023 – 2028;

- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022;

- Tờ trình Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023;

- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023;

13. Ông Trần Đăng Quý đề nghị Đại hội thảo luận các báo cáo và các nội dung đã được trình bày trước Đại hội

Sau khi thảo luận Đại hội tán thành các nội dung đã trình bày.

14. Ông Trần Đăng Quý đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung như đã báo cáo.

Đại hội tiến hành biểu quyết các nội dung:

Nội dung 1: Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát

Nội dung 3: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và giai đoạn 2023-2028

Nội dung 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế 2022

TT	Lợi nhuận sau thuế 2022	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.496.569.565
2	Phân phối lợi nhuận	
2.1	Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền (8,0%/VĐL)	27.382.438.400
2.2	Trích quỹ đầu tư phát triển (trích nguồn, khi sử dụng sẽ báo cáo cơ quan chủ sở hữu)	1.131.853.665

2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.524.829.000
2.4	Chi thường HĐQT, BKS và BDH	457.448.500

Nội dung 5: Thông qua thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2023 là: 724,8 trđ

Nội dung 6: Thông qua phương thức lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm 2023.

6.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2023 gồm:

a. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

b. Công ty TNHH Kiểm toán AAC

6.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để sử dụng kiểm toán báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và báo cáo tài chính năm 2023.

15. Ông Vũ Văn Trung thay mặt Ban kiểm phiếu lên đọc Biên bản kiểm phiếu (*biên bản đính kèm*). Căn cứ Biên bản kiểm phiếu kết quả cụ thể như sau:

Nội dung 1: Kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Kết quả cụ thể:

Kết quả bầu thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự Đại hội
1	Trần Đăng Quý	49.982.980	146,55%
2	Nguyễn Sỹ Long	32.446.642	95,14%
3	Đình Văn Hòa	47.036.353	137,91%
4	Trần Ngọc Chiến	27.726.376	81,30%
5	Đỗ Hữu Minh	22.936.187	67,25%
6	Trần Ngọc Bảo	34.588.678	101,42%
7	Kiều Hải Anh	24.020.218	70,43%

Kết quả bầu thành viên BKS

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự Đại hội
1	Nguyễn Thị Luyến	46.725.546	137%
2	Nguyễn Văn Ngôn	27.927.099	81,88%
3	Trần Hồng Đức	27.663.399	81,11%

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%
- Số phiếu không tán thành: Không
- Số phiếu không có ý kiến: Không

Nội dung 3: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch giai đoạn 2023 - 2028

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%
- Số phiếu không tán thành: . Không
- Số phiếu không có ý kiến: Không

Nội dung 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế 2022

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%
- Số phiếu không tán thành: Không
- Số phiếu không có ý kiến: Không.

Nội dung 5: Phê duyệt thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2023

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%
- Số phiếu không tán thành: Không
- Số phiếu không có ý kiến: Không.

Nội dung 6: Thông qua phương thức lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC cho năm 2023.

Kết quả cụ thể:

- Số phiếu tán thành: 34.105.348 phiếu tương đương 34.105.348 cổ phần, đạt 100%
- Số phiếu không tán thành: Không
- Số phiếu không có ý kiến: Không

16. Bà Nguyễn Thị Liên Chi – Thư ký thông qua kết quả Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 với kết quả cụ thể như sau:

16.1 Ông Trần Đăng Quý được bầu làm Chủ tịch HĐQT

16.2 Ông Nguyễn Sỹ Long được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT

16.3 Ông Đinh Văn Hòa được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT.

(có biên bản kèm theo).

17. Ông Nguyễn Văn Ngôn thay mặt Ban kiểm soát thông qua biên bản bầu Trưởng ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 với kết quả Bà Nguyễn Thị Luyến được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát *(Có biên bản kèm theo).*

18. Thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Nguyễn Thị Liên Chi đọc toàn văn biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và nhiệm kỳ 2023-2028 trước đại hội. Đại hội đã nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết và không có ý kiến bổ sung.

19. Ông Đinh Văn Hòa – Phó Chủ tịch HĐQT tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Thị Liên Chi

CHỦ TỌA CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Đăng Quý



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2023 (NHIỆM KỲ 2023-2028)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH



STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Ghi chú
A	Khai mạc			
1	- Đón tiếp đại biểu, Cổ đông - Kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự - Phát tài liệu, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cho Cổ đông.	7h00 – 7h30	Ban Tổ chức Ban kiểm tra tư cách Cổ đông. (Giới thiệu tại cuộc họp HĐQT)	
2	- Văn nghệ. - Tặng Hoa. (Nếu có) - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu đến dự.	7h30 – 7h45 7h45 – 7h55	Đ/c Minh	
3	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu.	7h55 – 8h00	Ban kiểm tra tư cách Cổ đông	
4	- Giới thiệu và biểu quyết thông qua đoàn Chủ tịch. - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Chủ tọa Đại hội.	8h00 – 8h05	Đ/c Minh	
5	- Đoàn chủ tịch giới thiệu Ban thư ký đại hội. - Đoàn chủ tịch giới thiệu đề cử Ban Kiểm phiếu (Biểu quyết).	8h05 – 8h15	Đ/c Quý	
6	Giới thiệu và thông qua: - Chương trình Đại hội đồng cổ đông - Quy chế làm việc của Đại hội	8h15 – 8h20	Đ/c Chiến	
B	Nội dung Đại Hội			
	- Thông qua tờ trình Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động công ty.	8h20 – 8h30	Đ/c Thiêm	
7	- Thảo luận và biểu quyết thông qua Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. - Đoàn chủ tịch tuyên bố HĐQT, BKS hết nhiệm kỳ 2018-2023. - Biểu quyết thông qua quy chế đề cử, ứng cử; Quy chế bầu cử HĐQT, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028	8h30 – 8h45	Đ/c Quý	

	- Thông qua chốt danh sách đề cử, ứng cử HĐQT, Ban kiểm soát.			
8	- Tổ chức bầu cử HĐQT, BKS	8h45 – 9h05	Ban kiểm phiếu	
9	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023; Đánh giá kết quả 05 năm nhiệm kỳ 2018-2023 và Kế hoạch 05 năm tiếp theo.	9h05-9h30	Đ/c Long	
	- Báo cáo Hoạt động của HĐQT	9h30-9h45	Đ/c Quý	
	- Báo cáo Ban kiểm soát.	9h45-10h05	Đ/c Luyến	
10	- Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2023, Kế hoạch SXKD giai đoạn 2023–2028. - Tờ trình phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả Cổ tức năm 2022. - Tờ trình về thù lao thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023. - Tờ trình ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.	10h05-10h15	Đ/c Thiêm	
11	- Thảo luận các nội dung trên (Mục 9,10) - Biểu quyết thông qua các tờ trình trên (<i>Thảo luận và biểu quyết từng nội dung tờ trình</i>)	10h15-10h45	Đ/c Quý	
12	Công bố kết quả bầu HĐQT, Ban kiểm soát.	10h45-10h55	Ban Kiểm phiếu	
13	- Giải lao - HĐQT bầu Chủ tịch, Ban điều hành, Kế toán trưởng, Người Quản trị và thư ký Công ty. - Ban KS bầu Trưởng ban.	10h55-11h20	Văn nghệ	
14	- Công bố kết quả biểu quyết thông qua các vấn đề lấy ý kiến. tại mục (11)	11h20-11h30	Ban kiểm phiếu	
15	- Công bố kết quả bầu chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát ; - Thành viên HĐQT, Ban KS ra mắt. - Lãnh đạo tinh tặng hoa và phát biểu ý kiến. (Nếu có.)	11h30-11h45	HĐQT và BKS	
16	- Tri ân các Đ/c Nguyên TV HĐQT	11h45-11h50	Đ/c Quý	
C	Bế mạc			
16	- Thông qua nghị quyết và biên bản đại hội - Bế mạc Đại hội	11h50-11h55	Thư ký ĐH Đ/c Hòa	
D	Liên hoan chúc mừng ĐHCĐ Tại KS Vj hoàng	12h	Ban Tổ chức	

Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

*"V/v Thông qua Kế hoạch
sản xuất kinh doanh năm 2023 và giai đoạn 2023 – 2028"*

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
 Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cấp nước Nam Định;
 - Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Nam Định kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét và thông qua:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	23.936
2	Doanh thu tiền nước (Không bao gồm VAT và phí nước thải)	Tỷ đồng	247,00
3	Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa, thay thế.	Tỷ đồng	71,50
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	35,00
5	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	8,7
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,9
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,0
8	Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị Liên danh để tham gia đấu thầu lựa chọn Chủ đầu tư Dự án nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh và xã Hải Trung huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định. (Khi cần thiết)		

2. Kế hoạch SXKD giai đoạn (2023 – 2028) như sau:

- Xây dựng đội ngũ lao động ngang tầm với chiến lược sản xuất kinh doanh; Đẩy mạnh áp dụng Khoa học kỹ thuật, đặc biệt là chuyển đổi số.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp nước an toàn; Giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát theo lộ trình của Chính phủ.

- Triển khai Xây dựng Dự án nhà máy nước sạch tại xã Hải Minh và xã Hải Trung, huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định. *(Nếu được lựa chọn là Chủ đầu tư)*;
 - Xây dựng, sửa chữa, cải tạo Hệ thống xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm mở rộng mạng lưới, phát triển khách hàng và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các Cụm Công nghiệp trên địa bàn. *(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*
 - Giao cho HĐQT chủ động tiếp quản lại các trạm cấp nước nông thôn tập trung, mở rộng địa bàn và quy mô cấp nước.
 - Chuẩn bị nguồn lực tài chính để chủ động phục vụ Công tác SXKD.
- * Một số chỉ tiêu chính.

TT	Chỉ tiêu chính	ĐVT	Chỉ tiêu các năm					Tổng
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	23,936	24,295	25,409	27,653	30,808	132,101
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	23,5	21,5	19,5	17,5	15,0	
3	Doanh thu tiền nước <i>(Không bao gồm VAT và phí nước thải)</i>	Tỷ đồng	247,0	262,4	274,4	312,5	348,1	1.444,4
4	Giá trị đầu tư XDCB	Tỷ đồng	51,0	64,0	90,0	105,0	65,0	375,0
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	35,0	35,4	35,7	36,1	36,4	178,6
6	Thu nhập bình quân/ tháng.	Tr/ng	8,7	9,0	9,5	9,5	10,0	
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,9	36,4	38,1	41,5	46,2	198,2
9	Tổng số khách hàng	K/H	159.600	162.000	166.800	171.700	180.400	

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Đăng Quý

Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Dự kiến mức thù lao năm 2023 của HĐQT và Ban kiểm soát)

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
Công ty cổ phần cấp nước Nam Định

Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp nước Nam Định kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý
 - Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định;
 - Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán;
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.
2. Hội đồng quản trị Công ty Dự kiến mức chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2023 như sau: 724.800.000đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đăng Quý

Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2023 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định**

1. Căn cứ pháp lý để lựa chọn:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty;
- Danh sách các Công ty Kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho Đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước công bố tại Website: www.ssc.gov.vn;

2. Kính trình ĐHĐCĐ thông qua:

- Công ty kiểm toán nằm trong Danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty có lợi ích công chúng năm 2022 để lựa chọn thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đó là:

- ❖ Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- ❖ Công ty TNHH Kiểm toán AAC.

- Ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn một trong hai Công ty kiểm toán nêu trên để Kiểm toán BCTC soát xét 6 tháng đầu năm và BCTC năm 2023 cho Công ty CP cấp nước Nam Định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

“V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ”

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần cấp nước Nam Định**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Nam Định;

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Nam Định kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.496.569.565
2	Phân phối lợi nhuận	
2.1	Chia cổ tức năm 2022 bằng tiền (8,0%/VĐL)	27.382.438.400
2.2	Trích quỹ đầu tư phát triển (trích nguồn, khi sử dụng sẽ báo cáo cơ quan chủ sở hữu)	1.131.853.665
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.524.829.000
2.4	Thưởng HĐQT, BKS và BDH	457.448.500

(*)*Đại hội ủy quyền cho HĐQT thực hiện chốt danh sách và chi trả cổ tức năm 2022 theo quy định.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Đăng Quý

Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ)

**Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
Công ty cổ phần cấp nước Nam Định**

- Căn cứ pháp lý
 - Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản liên quan;
 - Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định;
- Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

- Điều chỉnh số lượng thành viên HĐQT

STT	Điều/khoản	Nội dung hiện tại	Đề xuất sửa đổi
1	Khoản 1 Điều 26	Số lượng thành viên HĐQT là 8 (<i>tám</i>). Trong đó có 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch	Số lượng thành viên HĐQT là 7 (<i>bảy</i>). Trong đó có 01 Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh.

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng . Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, các sản phẩm khí, các vật liệu từ nhựa và Composit.	4663
2	Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng và máy móc khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đồng hồ đo lưu lượng dân dụng và công nghiệp.	4659 46599
3	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	7020

	Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.	7120
4	Chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đồng hồ đo lưu lượng dân dụng và công nghiệp; Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số kỹ thuật của Nước.	71200

Kính trình Đại hội hội đồng cổ đông thường niên 2023 xem xét, thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Quý



Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả SXKD năm 2022, Kế hoạch SXKD năm 2023; Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 5 năm 2018-2023, kế hoạch SXKD 5 năm tiếp theo 2023-2028

PHẦN 1:

KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2023

I- Kết quả SXKD năm 2022:

Năm 2022 đại dịch Covid 19 đã cơ bản được khống chế nhưng nền kinh tế Thế giới còn suy thoái, kinh tế Việt Nam cũng có nhiều biến động, lạm phát tăng cao, các doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, không nhập được nguồn nguyên liệu và không có đơn hàng để sản xuất. Một số Công ty công nhân thiếu việc làm thậm chí phải nghỉ việc làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiêu thụ nước sạch dẫn đến tình trạng sản lượng nước thương phẩm, doanh thu tiền nước bị sụt giảm so với kế hoạch.

Tuy vậy công tác SXKD của Công ty vẫn đảm bảo an toàn, ổn định; Các chỉ tiêu chính cơ bản đạt và hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Đời sống CBCNV trong Công ty vẫn được duy trì và đảm bảo thu nhập ổn định.

- Công tác sản xuất nước sạch: Thường xuyên kiểm soát chất lượng nguồn nước cấp. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thiết lập, cắm mốc vùng bảo hộ vệ sinh công trình khai thác nước. Kịp thời phát hiện, phối hợp giải quyết xử lý các trường hợp khai thác, xả thải bừa bãi gây tác động xấu tới lưu vực, làm ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nguồn nước cấp. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tỉnh kiểm tra theo dõi và đề ra biện pháp xử lý kịp thời nhằm bảo đảm chất lượng nước trên mạng lưới đường ống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống theo quy định hiện hành.

- Tăng cường và đẩy mạnh các hoạt động kiểm tra tình hình thực hiện quản lý mạng, quản lý khách hàng, chống thất thoát thất thu nước sạch tại các đơn vị trực thuộc.

- Kịp thời phát hiện và khắc phục khi có sự cố trên mạng lưới cấp nước. Các đơn vị phòng ban chuyên môn đã có sự phối hợp tốt trong công tác quản lý, chống thất thu thất thoát nước sạch. Năm 2022 tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân là 24,5%.

- Về Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

Thực hiện việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, triển khai các dự án, hạng mục công trình theo kế hoạch đề ra. Thực hiện cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước tại một số khu vực để phát triển khách hàng và nâng cao chất lượng phục vụ cấp nước.

- Công tác Quản lý tài chính, Quản lý tài sản, doanh thu, chi phí được thực hiện theo Quy chế hiện hành. Thực hiện tiết kiệm, giảm chi phí để gia tăng lợi nhuận nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Công tác triển khai thanh toán tiền nước qua ngân hàng: Đến nay, Công ty đã liên kết với 5 ngân hàng và 6 tổ chức tài chính trung gian để triển khai dịch vụ thanh toán hóa đơn tiền nước. Hệ thống thanh toán đã đi vào hoạt động ổn định, tỷ lệ khách hàng sử dụng dịch vụ đã dần được nâng cao. Năm 2022, trung bình toàn Công ty đạt tỷ lệ 26,46% tổng số khách hàng đã thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

*** Bảng tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2022:**

Số TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2022 so với KH 2022 (%)
1	Nước sản xuất	Triệu m ³	31,447	31,15	100,3
2	Nước Thương phẩm	Triệu m ³	24,057	23,503	97,7
3	Doanh thu tiền nước (Không bao gồm thuế VAT và phí nước thải)	Tỷ đồng	248,0	244,3	98,5
4	Doanh thu lắp đặt (Khách hàng đầu tư kinh phí)		20,8	19,8	95,2
5	Giá trị đầu tư XD/CB		69,088	79,92	115,7
6	Doanh thu từ nước uống tinh khiết đóng chai		2,3	2,05	89,1
7	Doanh thu từ sản phẩm nhựa Composit		1,6	1,7	106,2
8	Nộp ngân sách Nhà nước		34,0	34,1	100,3
9	Thu nhập bình quân		Tr.đ/ng/tháng	8,6	8,6
10	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33,0	35,1	106,4
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	6,5	8,0	123,1
12	Khách hàng sử dụng nước	K/H	156.380	156.000	99,8

* Năm 2022, Ban Điều hành Công ty đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, chỉ đạo điều hành các đơn vị trực thuộc và toàn thể CBCNV trong Công ty nỗ lực phấn đấu, đoàn kết nhất trí, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

+ Đảm bảo yêu cầu cấp nước thường xuyên liên tục, đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng.

+ Các chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra như bảng tổng hợp trên. Riêng có một số chỉ tiêu chưa đạt cũng đã có lý do bất khả kháng đã được báo cáo trước Đại hội.

II- Kế hoạch SXKD năm 2023:

1- Mục tiêu:

- Giữ vững sự ổn định của Công ty về mọi mặt hoạt động, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

- Duy trì dịch vụ cấp nước an toàn, ổn định, chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu dùng nước của khách hàng.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Tỉnh để mở rộng mạng lưới, phát triển khách hàng ở các khu vực nông thôn góp phần chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của Nhà nước để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập, nâng cao đời sống cho người lao động trong Công ty.

2- Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

Số TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Nước sản xuất.	Triệu m ³	31,294
2	Nước Thương phẩm.	Triệu m ³	23,936
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân.	%	23,5
4	Doanh thu tiền nước (Chưa bao gồm thuế VAT và phí nước thải).	Tỷ đồng	247,0
5	Doanh thu lắp đặt (Khách hàng đầu tư kinh phí)	Tỷ đồng	6,5
6	Đầu tư XDCB, sửa chữa thay thế	Tỷ đồng	71,5
7	Doanh thu từ nước tinh khiết đóng chai	Tỷ đồng	2,2
8	Doanh thu từ sản phẩm nhựa Composit	Tỷ đồng	1,0
9	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	35,0
10	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/tháng	8,7
11	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,9
12	Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,0
13	Tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt (Bình quân)	%	30,0
14	Số lượng khách hàng sử dụng nước	K/H	159.600

PHẦN 2:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 5 NĂM 2018-2023,

KẾ HOẠCH SXKD 5 NĂM TIẾP THEO 2023-2028

A- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2018-2023:

I- Kết quả:

Số TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng giai đoạn
1	Nước sản xuất.	Triệu m ³	28,42	29,5	30,6	30,85	31,15	150,5
2	Nước Thương phẩm.	Triệu m ³	20,9	21,94	22,95	23,44	23,5	112,7
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân.	%	26,8	25,2	25,0	24,0	24,0	
4	Doanh thu tiền nước (Chưa bao gồm thuế VAT và phí nước thải).	Tỷ đồng	198,09	224,74	236,86	244,54	244,01	1.148,24
5	Doanh thu lắp đặt (Khách hàng đầu tư kinh phí)	Tỷ đồng	11,3	7,46	9,54	6,98	20,04	55,32
6	Đầu tư, XDCB	Tỷ đồng	32,6	77,5	42,07	118,0	79,9	350,1
7	Doanh thu khác (Nước tinh khiết)	Tỷ đồng	1,91	2,06	2,27	2,07	2,05	10,36
8	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	23,6	32,6	34,5	37,9	33,7	162,3

9	Thu nhập bình quân	Trđ/n g/ tháng	7,9	8,32	8,6	8,6	8,6	*
10	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	21,84	29,03	31,38	42,48	35,09	159,82
11	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4,5	6,0	6,5	8,0	8,0	
12	Số lượng khách hàng sử dụng nước	K/H	131.996	135.980	141.350	144.660	156.000	

II- Đánh giá:

1- Về công tác sản xuất, kinh doanh nước sạch: Luôn đảm bảo Cấp nước an toàn, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng phục vụ.

2- Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3- Công tác Quản lý tài chính:

- Lập kế hoạch và cân đối nguồn vốn đáp ứng yêu cầu về vốn đầu tư các dự án mới. Sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ, vốn vay ngân hàng và huy động các nguồn vốn khác để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, đầu tư và trả nợ vay trung hạn.

- Công tác Quản lý Đầu tư xây dựng; Quản lý tài sản, doanh thu, chi phí thực thi theo Quy chế hiện hành. Thực hiện tiết kiệm, giảm chi một số khoản để gia tăng lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh.

- Thiết lập và dự thảo khoản quản nhằm đổi mới công tác và hiệu quả quản lý; giảm chi phí và tăng lợi nhuận sản xuất kinh doanh.

- Chế độ hạch toán tài chính kế toán đều thực hiện nghiêm túc theo luật định. Qua các đợt thanh tra, kiểm toán đều đánh giá Công ty đã thực hiện tốt việc hạch toán tài chính theo quy định của nhà nước.

4- Về chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của nhà nước.

- Quyền lợi của người lao động tại Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật lao động: Người lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.

B- Kế hoạch SXKD 5 năm tiếp theo giai đoạn 2023-2028:

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh, công tác đầu tư mở rộng mạng lưới, mở rộng địa bàn phục vụ; Nhu cầu sử dụng nước thực tế của khách hàng theo từng năm, từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch SXKD 5 năm (giai đoạn 2023-2028) cho phù hợp. Cụ thể:

I- Các chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm (giai đoạn từ 2023 đến 2028).

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch					Kế hoạch GD 2023-2028
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu							

1.1	Sản lượng nước sản xuất	Triệu m ³	31,294	30,950	31,550	33,500	36,250	163,544
1.2	Sản lượng nước thông phẩm	Triệu m ³	23,936	24,295	25,409	27,653	30,808	132,101
1.3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	23,5	21,5	19,5	17,5	15,0	
2	Doanh thu	Tỷ đồng	255,8	270,2	287,8	326,4	370,6	1.510,8
2.1	Doanh thu nước sạch (Tính đến điều chỉnh giá nước tăng 5% vào năm 2024+2025 và tăng 10% vào năm 2026+2027)	Tỷ đồng	247,0	262,4	274,4	312,5	348,1	1.444,4
2.2	Doanh thu lắp đặt (K/H đầu tư kinh phí)	Tỷ đồng	6,5	5,3	10,6	10,8	19,1	52,3
2.3	Doanh thu khác (Nước uống tinh khiết)	Tỷ đồng	2,3	2,5	2,8	3,1	3,4	14,1
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	35,9	36,4	38,1	41,5	46,2	198,2
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	35,0	35,4	35,7	36,1	36,4	178,6
5	Giá trị đầu tư XDCB. Trong đó:	Tỷ đồng	51,7	65,5	103,1	105,0	65,0	390,1
5.1	Vốn khấu hao cơ bản	Tỷ đồng	11,92	15,58	32,9	23,1	14,3	97,8
5.2	Vốn huy động khác	Tỷ đồng	9,18	11,52	16,2	18,9	11,7	67,5
5.3	Vốn vay tín dụng	Tỷ đồng	30,6	38,4	54	63	39	225,0
6	Trả nợ vốn vay trung hạn	Tỷ đồng	20,0	22,9	25,8	40,1	51,1	159,9
7	Khách hàng sử dụng nước	K/H	159.600	162.000	166.800	171.700	180.400	
8	Thu nhập bình quân của CBCNV	Trđ/ người/ tháng	8,7	9,0	9,5	9,5	10,0	
9	Tỷ lệ K/H thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt (Bình quân)	%	30,0	33,0	35,0	40,0	45,0	

II- Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm (giai đoạn 2023-2028).

II.1- Đầu tư XDCB và mua sắm tài sản (Kèm theo Phụ lục chi tiết số I)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kinh phí đầu tư dự kiến hàng năm					Tổng Kinh phí đầu tư dự kiến GD 2023-2028
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Khu vực TP Nam định	Tỷ.đ	28,7	27,2	35,2	45,0	30,0	166,1
2	Chi nhánh CN Vụ Bản	Tỷ.đ	5,6	2,5	47,0	29,7	10,5	95,2
3	Chi nhánh CN Ý Yên	Tỷ.đ	9,5	20,8	14,6	28,2	11,1	84,2
4	Chi nhánh CN số 1-Trực Ninh	Tỷ.đ	5,5	1,7	15,4	4	0,7	27,3
5	Chi nhánh CN số 2-Trực Ninh	Tỷ.đ	2,7	6,2	8,1	0,2	0	17,2
	Cộng II.1	Tỷ.đ	52,0	65,4	103,3	105,1	64,3	390,1
	Làm tròn	Tỷ.đ	52,0	65,0	103,0	105,0	64,0	390,0

II.2- Cải tạo, sửa chữa, thay thế HTCN và cụm đồng hồ (Kèm theo Phụ lục chi tiết số II)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kinh phí đầu tư dự kiến hàng năm					Tổng Kinh phí đầu tư dự kiến GD 2023-2028
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Khu vực TP Nam định	Tỷ.đ	9,5	10,9	10,9	12,1	10,9	54,3
2	Chi nhánh CN Vụ Bản	Tỷ.đ	2,8	7,1	6,6	6,5	6,2	29,3
3	Chi nhánh CN Ý Yên	Tỷ.đ	2,7	3,0	2,6	2,6	2,4	13,3
4	Chi nhánh CN số 1-Trực Ninh	Tỷ.đ	1,9	1,59	1,49	1,49	1,5	7,97
5	Chi nhánh CN số 2-Trực Ninh	Tỷ.đ	2,1	2,1	2,1	2,1	2,0	10,4
	Cộng II.2	Tỷ.đ	19	24,7	23,7	24,8	23,1	115,2
	Làm tròn	Tỷ.đ	19	25,0	24,0	25,0	23,0	115,0
	Tổng cộng II.1+II.2	Tỷ.đ	71,0	90,0	127,0	130,0	87,0	505,0

II.3- Các giải pháp để thực hiện Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm (giai đoạn 2023-2028) và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty:

1- Về tài chính:

- Đối với những dự án cấp nước cho Huyện Hải Hậu, khu công nghiệp Mỹ Thuận, khu công nghiệp Hồng Tiến, Yên Bằng và một số khu công nghiệp, khu đô thị khác sử dụng nguồn vốn vay thương mại là 60%, vốn khấu hao 22%, vốn huy động khác là 18%.

- Các dự án, công trình khác (Giá trị >2 tỷ) sử dụng nguồn vốn vay ≤50%, khấu hao và huy động khác ≥ 50%. Giá trị ≤ 2 tỷ sử dụng vốn của Cty.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, phát huy tối đa công suất của các công trình đã đầu tư.

2- Về nguồn nhân lực:

- Củng cố kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của từng người, đồng thời tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, người lao động. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch hàng năm, ưu tiên cho công tác đào tạo tại chỗ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ CBCNV có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm ở một số lĩnh vực quan trọng.

- Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động và có quan tâm hơn đối với người lao động có năng lực. Đồng thời xây dựng phong trào thi đua cho người lao động phấn đấu, học tập, rèn luyện để trở thành lao động giỏi. Nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc được giao, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2023-2028.

3- Về công nghệ - kỹ thuật.

áp dụng, khai thác triệt để các phần mềm hiện có. Tiếp tục đầu tư công nghệ theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý SXKD, chống thất thoát thất thu nước sạch của Công ty.

4- Về quản lý và điều hành.

Để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra. Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Biện pháp quản lý sản xuất:

+ Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở các biện pháp về kỹ thuật, về hệ thống bơm, hệ thống xử lý...

+ Quản lý vận hành tốt nhà máy, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

+ Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn Bộ Y tế ban hành và theo tiêu chuẩn địa phương quy định.

- Biện pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước của khách hàng:

+ Đầu tư mở rộng, cải tạo mạng lưới cấp nước. Đặc biệt là các khu vực vùng sâu vùng xa, các khu vực bất lợi nhất.

+ Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng.

+ Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tổn thu xuống mức thấp nhất.

- Biện pháp về tiết kiệm chi phí:

+ Tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước.

+ Tiết kiệm chi phí điện năng, hóa chất:

+ Chống lãng phí về lao động và thời gian lao động. Xây dựng quy chế về chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư XDCB đối với các công trình do Công ty làm chủ đầu tư...

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023; Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 5 năm 2018-2023, kế hoạch SXKD 5 năm tiếp theo giai đoạn 2023-2028.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh Nam Định (Để báo cáo)
- Báo cáo ĐHCĐ;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Sỹ Long

PHỤ LỤC I**Chi tiết các hạng mục đầu tư XDCB và mua sắm tài sản giai đoạn 2023-2028**

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-CNNĐ ngày 06/4/2023 của TGD Công ty CP Cấp nước Nam Định)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kinh phí đầu tư dự kiến hàng năm					Tổng Kinh phí đầu tư dự kiến GD 2023-2028
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Khu vực TP Nam định	Tỷ.đ	28,7	27,2	35,2	45,0	30,0	166,1
1.1	Làm các thủ tục pháp lý, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công Công trình cấp nước cho khu công nghiệp Mỹ Thuận- Huyện Mỹ Lộc.	Tỷ.đ	12,5	19,5				32,0
1.2	Làm các thủ tục pháp lý, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công Công trình cấp nước cho khách hàng dọc Đại lộ Thiên Trường (bên phải hướng Nam Định-Phủ Lý) theo quy hoạch được duyệt.	Tỷ.đ			10,0	13,0		23,0
1.3	Hoàn thiện hồ sơ thiết kế, trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước cho nhà máy điện rác GREENITY Nam Định và các khách hàng khu vực dọc QL 38B	Tỷ.đ	8,4					8,4
1.4	Lắp đặt khung nhà thép mái che cho cụm xử lý nước Hợp khối	Tỷ.đ	1,8					1,8
1.5	Cải tạo nhà vận hành Hợp khối. Bao gồm: Quy hoạch lại tủ điện, cải tạo lại phòng máy điều hành và một số phần việc xây dựng khác. Bổ sung máy bơm nước sạch Hợp khối để thực hiện tốt chế độ chạy máy luân phiên tăng độ bền máy móc thiết bị và đảm bảo an toàn SX.	Tỷ.đ	2,5	2,0				4,5
1.6	Thay thế một số cụm van không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại khu SXN Nam Định: van tổng tuyến 600A, Van bể lọc dây chuyền Hợp khối; Van DN 600 bể chứa	Tỷ.đ	2,5					2,5

	Hợp khối và van nổi thông các bể chứa.							
1.7	Khảo sát, lập hồ sơ thiết kế và triển khai thi công xây dựng công trình xử lý bùn cặn cho khu xử lý nước chi nhánh SXN TPND	Tỷ.đ	0,5	5	7			12,5
1.8	Cải tạo và nâng cấp khu Phòng kiểm định và giám thiết bị kiểm định đồng hồ nội bộ Công ty	Tỷ.đ	0,5					0,5
1.9	Nâng cấp, cải tạo công trình thu 1924 trạm bơm nước thô chi nhánh SXN Nam Định	Tỷ.đ		0,7				0,7
1.10	Xây dựng phương án, lập hồ sơ trình phê duyệt và triển khai thực hiện Cải tạo, xây dựng lại văn phòng làm việc Công ty và các công trình phụ trợ (sân, đường, bồn hoa...)	Tỷ.đ			2,5	20,0	30,0	52,5
1.11	Làm các thủ tục pháp lý, hoàn thiện hồ sơ thiết kế trình thẩm định, phê duyệt và triển khai thi công Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước đường Lê Đức Thọ để phát triển K/H khu vực phía Nam Sông Đào. (Lắp đặt ống OD355 Nối nguồn từ đường Đặng Xuân Bảng đến Vũ Hữu Lợi)	Tỷ.đ			10	12		22,0
1.12	Cải tạo, bảo dưỡng một số tuyến ống qua cầu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Tỷ.đ			1,2			1,2
1.13	Cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước khu đô thị Hòa Vượng đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định.	Tỷ.đ			4,5			4,5
2	Chi nhánh Cấp nước Vụ Bản	Tỷ.đ	5,6	2,5	47,0	29,7	10,5	95,2
2.1	Thực hiện cải tạo thay thế và dịch chuyển các đường trục cấp nước HDPE-OD 25-32 không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật bằng các tuyến ống nhựa HDPE-OD 40 mới	Tỷ.đ	2,0					2,0
2.2	Lắp đặt ống HDPE-OD400, L=45m thay thế ống HDPE-OD255 qua QL10, đường sắt cấp nước cho các xã phía bắc Huyện VB	Tỷ.đ	1,2					1,2
2.3	Xây lại tường bao của chi nhánh cấp nước Vụ Bản do điều chỉnh mở rộng quỹ đất.	Tỷ.đ	1,3					1,3

2.4	Thực hiện Cải tạo lại Nhà hội trường chi nhánh cấp nước Vụ Bản	Tỷ.đ	1,1						1,1
2.5	Xây dựng khu liên hợp xử lý nước và vận chuyển nước thô tại xã Vĩnh Hào	Tỷ.đ		2,5	30,0	25,0	10,5		68,0
2.6	Xây dựng 03 dây truyền xử lý nước tại CN Vụ Bản + bể đờ + mái che	Tỷ.đ			10,9	4,7			15,6
2.7	Xây dựng bể chứa 1.000 m ³ tại CN Vụ Bản	Tỷ.đ			3,0				3,0
2.8	Lắp đặt mới 03 máy bơm	Tỷ.đ			2,4				2,4
2.9	Lắp đặt mới 01 tủ biến tần	Tỷ.đ			0,3				0,3
2.10	Lắp đặt đường ống công nghệ nối giữa các dây truyền XL nước và bể	Tỷ.đ			0,2				0,2
2.11	Bổ sung hệ thống thoát nước	Tỷ.đ			0,2				0,2
3	Chi nhánh Cấp nước Ý Yên	Tỷ.đ	9,5	20,8	14,6	28,2	11,1		84,2
3.1	Nối mạng cấp nước khu công nghiệp Hồng Tiến, Yên Bằng và san tải cấp nước cho khu vực Thị trấn Lâm (LD ống HDPE-OD400, L=3000m, ống HDPE-OD355, L=4500m cấp nước KCN).Thực hiện thi công GD 1.	Tỷ.đ	6,0	12,0	10,5	7,5			36,0
3.2	Làm thủ tục xin cấp phép và lắp đặt ống BT chịu lực qua đường sắt, thay thế ống thép qua QL10 và đường sắt thuộc địa phận Xã Yên Tiến- Ý Yên	Tỷ.đ	1,3						1,3
3.3	Lắp đặt bổ sung đường ống PE140 cho khu vực Thôn Phú Giáp+ Bông Quỳ- xã Yên Phong (Bổ sung mới ống HDPE-OD140, L=1500m cấp nước cho 3 thôn)	Tỷ.đ	1,0						1,0
3.4	Xây dựng bể chứa 1.000 m ³	Tỷ.đ		2,4	0,6				3,0
3.5	Tiếp nhận, cải tạo mạng cấp nước Yên Chính	Tỷ.đ		1,0	1,0	1,0			3,0
3.6	Cải tạo đồng hồ đo lưu lượng hộ gia đình xã Yên Chính	Tỷ.đ			2,5	1,1			3,6
3.7	Hang mục xử lý thời điểm	Tỷ.đ							-

3.8	Lắp đặt bơm nước thô trực tiếp trên tuyến ống nước thô khai thác từ sông Đáy	Tỷ.đ	0,5					0,5
3.9	Lắp đặt dây truyền XL CS 3.000 m3	Tỷ.đ		5,2				5,2
3.10	lắp đặt tuyến ống công nghệ kết nối với bể chứa	Tỷ.đ		0,2				0,2
3.11	Nối tuyến ống OD 560 cấp cho CCN Yên Dương và xã Yên Dương	Tỷ.đ				1,5		1,5
3.12	Nối tuyến ống Yên Bình và Yên Minh sang Yên Lợi	Tỷ.đ				6,0		6,0
3.13	Đầu nối tuyến ống cấp cho Yên Tân trên tuyến OD 450 + OD 400	Tỷ.đ				3,5	3,5	7,0
3.14	Đầu nối tuyến ống cấp cho Yên Trung trên tuyến OD 315 - OD 225	Tỷ.đ				3,0	3,0	6,0
3.15	Cải tạo cụm đồng hồ đo lưu lượng xã Yên Tân	Tỷ.đ				1,6	1,6	3,2
3.16	Cải tạo cụm đồng hồ đo lưu lượng xã Yên Lợi	Tỷ.đ				1,2	1,2	2,4
3.17	Cải tạo cụm đồng hồ đo lưu lượng xã Yên Trung	Tỷ.đ				1,6	1,6	3,2
3.18	Cải tạo cụm đồng hồ đo lưu lượng xã Yên Nghĩa + Yên Phương (Dùng nước từ Yên Lợi)	Tỷ.đ				0,2	0,2	0,5
3.19	Cải tạo sửa chữa cụm bể thép năm 2013 công suất 3.000m3/ngđ và cụm bể bê tông 2.400m3/ngđ (Gia cố lại khung sườn bể, sơn, thay thế tấm lợp Lamina bị hỏng) tại khu xử lý nước sạch ý Yên	Tỷ.đ	0,7					0,70
4	Chi nhánh cấp nước số 1- Trục Ninh	Tỷ.đ	5,5	1,7	15,4	4	0,7	27,3
4.1	Cải tạo thay thế van, ống thép (thay thế van DN100-200; ống thép DN100-200) dây chuyền xử lý nước bê tông.	Tỷ.đ	0,5					0,5
4.2	Thực hiện xây dựng bổ sung bể chứa nước sạch 1.000 m3 cho khu xử lý nước	Tỷ.đ	3,5					3,5
4.3	Thay thế 2 máy bơm của trạm bơm cấp 1	Tỷ.đ	0,7					0,7

4.4	Cải tạo thay thế tuyến ống cấp nước 125 đường 478 cấp nước cho TDP Đình Cựu, Đông Bắc Đông, Tây kênh - TT Cổ Lễ (Do tuyến ống hiện tại đang nằm giữa đường 487)	Tỷ.đ	0,8					0,8
4.5	Xây dựng trạm bơm nước thô, bổ sung đường hút nước thô kết hợp xử lý hồ sơ lắng và tường bao xung quanh khu vực trạm bơm cấp I.	Tỷ.đ		0,20	1,30	0,50		2
4.6	Xây dựng bổ sung dây truyền xử lý	Tỷ.đ			1,00	3,50	0,70	5,2
4.7	Xây dựng và cải tạo khuôn viên nhà máy	Tỷ.đ			-			0
4.8	Bổ sung đường ống HDPE-OD355 cấp cho xã Trục Chính và cấp vào tuyến u.PVC 180 cấp cho xã Phương Định	Tỷ.đ		1,0	8,6			9,6
4.9	Cải tạo thay thế tuyến ống nhựa u.PVC-OD225 từ tuyến ống HDPE-DN400 đến cầu Phương Định	Tỷ.đ		0,5	4,5			5
5	Chi nhánh cấp nước số 2-Trục Ninh	Tỷ.đ	2,7	6,2	8,1	0,2	0	17,2
5.1	Cải tạo, thay thế tuyến ống u.PVC-OD180 từ ngã 3 TDP Bắc Giang đến TDP Nam An Cát Thành (Thay thế ống u.PVC-OD180 bằng ống nhựa HDPE-OD225 + 280)	Tỷ.đ	2,4					2,4
5.2	XD nhà sinh hoạt cho CBCNV trạm Cát Thành	Tỷ.đ	0,3					0,3
5.3	Bổ sung máy bơm cho TB2 Cát Thành	Tỷ.đ		0,35				0,35
5.4	Xây dựng bể chứa 500 m ³ Cát Thành	Tỷ.đ		1,50				1,5
5.5	Xây dựng hồ điều hòa, xả thải trạm Cát Thành	Tỷ.đ		1,00	0,50			1,5
5.6	Xây dựng bổ sung dây truyền xử lý Trục Nội	Tỷ.đ		0,50	4,50	0,20		5,2
5.7	Cải tạo nâng cấp dây truyền xử lý BT công suất 1.200m ³ /ngđ Cát Thành	Tỷ.đ		0,2	1,3			1,5
5.8	Cải tạo thay thế tuyến ống nhựa u.PVC-OD225-160 từ chùa Hóm TT Cát Thành đến chợ Giá xã Trục Đạo	Tỷ.đ		0,5	1,1			1,6

5.9	Cải tạo thay thế tuyến ống nhựa u.PVC-OD200 từ NH Nông Nghiệp TT Cát Thành đến HĐH tổng xã Trục Tuấn	Tỷ.đ		0,8				0,8
5.10	Xây dựng tường bao, cải tạo nhà văn phòng Trạm Cát Thành	Tỷ.đ		0,5	0,5			1,0
5.11	Cải tạo, nâng cấp TB1 + thay thế tuyến ống thép DN200, L=430m Trạm Trục Nội			0,8	0,2			1,0
	Tổng Cộng	Tỷ.đ	52,0	65,4	103,3	105,1	64,3	390,1
	Làm tròn	Tỷ.đ	52,0	65,0	103,0	105,0	64,0	390,0

PHỤ LỤC II**Chi tiết các hạng mục đầu tư cải tạo, sửa chữa, thay thế HTCN và cụm đồng hồ giai đoạn 2023-2028**

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-CNNĐ ngày 06/4/2023 của TGD Công ty CP Cấp nước Nam Định)

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Kinh phí đầu t dự kiến hàng năm					Tổng Kinh phí đầu tư dự kiến GD 2023-2028
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	
1	Khu vực TP Nam định	Tỷ.đ	9,5	10,9	10,9	12,1	10,9	54,3
1.1	Sửa chữa, nâng cấp, mua sắm tài sản công nghệ thông tin. Thay thế nâng cấp hệ thống internet và mạng nội bộ toàn Công ty. Trang bị một số thiết bị phục vụ công tác ghi hình, truyền thông của Trung tâm CSKH.	Tỷ.đ	0,5					0,5
1.2	Thực hiện công tác kiểm định, cải tạo thay thế đồng hồ đến niên hạn, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Tỷ.đ	8,2	8,4	8,4	9,1	7,7	41,8
1.3	Thực hiện công tác xúc xả, làm sạch một số tuyến ống trên mạng lưới cấp nước Thành phố Nam Định	Tỷ.đ	0,8	0,5	0,5	1,0	1,2	4
1.4	Sửa chữa môi chày, truy tìm rò rỉ thực hiện công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch	Tỷ.đ		2,0	2,0	2,0	2,0	8
2	Chi nhánh Cấp nước Vụ Bản		2,8	7,1	6,6	6,5	6,2	29,3
2.1	Cải tạo, kiểm định lại cụm đồng hồ K/H đến niên hạn theo Luật đo lường.	Tỷ.đ	2,8	5,9	5,9	5,9	5,9	26,4
2.2	Cải tạo hồ sơ lắng thành hồ XL nước sau lắng lọc	Tỷ.đ			0,1			0,1
2.3	Triển khai thiết bị, nhân lực chống thất thoát	Tỷ.đ		1,2	0,6	0,6	0,3	2,8
3	Chi nhánh Cấp nước Ý Yên	Tỷ.đ	2,7	3,0	2,6	2,6	2,4	13,3
3.1	Lắp đặt mái che cho cụm xử lý bê tông 2.400m ³ /ngđ khu xử lý nước sạch Ý Yên (KH năm 2022 chưa thực hiện).	Tỷ.đ	0,25					0,25
3.2	Thay thế các tuyến ống thép qua cầu, cống đang bị hạn gì bằng ống Inox mới trên MLCN Ý Yên (KH năm 2022 chưa thực hiện).	Tỷ.đ	0,2					0,20

3.3	Thực hiện công tác kiểm định, cải tạo thay thế đồng hồ đến niên hạn, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Tỷ.đ	2,24	2,24	2,24	2,24	2,24	11,20
3.4	Triển khai thiết bị, nhân lực chống thất thoát	Tỷ.đ		0,72	0,36	0,36	0,18	1,62
4	Chi nhánh Cấp nước số 1-Trực Ninh	Tỷ.đ	1,9	1,59	1,49	1,49	1,5	7,97
4.1	Thực hiện công tác kiểm định, cải tạo thay thế đồng hồ đến niên hạn, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Tỷ.đ	1,4	1,2	1,3	1,3	1,4	6,6
4.2	Cải tạo, thay thế nâng cao 17 cụm đồng hồ tổng từ DN 80-DN200 trên MLCN để quản lý, đánh giá thất thoát	Tỷ.đ	0,5					0,5
4.3	Triển khai thiết bị, nhân lực chống thất thoát	Tỷ.đ		0,39	0,19	0,19	0,1	0,87
5	Chi nhánh Cấp nước số 2-Trực Ninh	Tỷ.đ	2,1	2,1	2,1	2,1	2,0	10,4
5.1	Thực hiện công tác kiểm định, cải tạo thay thế đồng hồ đến niên hạn, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	Tỷ.đ	2,1	2,0	2,0	2,0	2,0	10,1
5.7	Triển khai thiết bị, nhân lực chống thất thoát			0,1	0,1	0,1		0,3
	Tổng cộng	Tỷ.đ	19	24,7	23,7	24,8	23,1	115,2
	Làm tròn	Tỷ.đ	19	25,0	24,0	25,0	23,0	115,0

Nam Định, ngày 06 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022
ĐÁNH GIÁ HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2023, ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ
NHIỆM KỲ 2023-2028

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị Công ty báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh và các công tác năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

1. Đặc điểm tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022

- HĐQT đã bám sát vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tình hình thực tế quá trình SXKD trong năm để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD và các công tác khác của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đề ra. Trong quá trình quản lý điều hành HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban điều hành và tổ chức thực hiện.

- HĐQT đã biểu quyết thống nhất các nội dung theo chức năng quản lý chung trên cơ sở đánh giá, phân tích các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành xuất phát từ việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết đó là:

+ Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

+ Kiểm tra thông qua các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và báo cáo năm. Theo đề xuất đã có ý kiến đánh giá của Kiểm toán độc lập.

+ Công bố các thông tin theo quy định của UBCK và Luật doanh nghiệp cũng như Điều lệ của Công ty.

+ Quyết định đầu tư các hạng mục công trình theo kế hoạch đề ra.

- HĐQT thực hiện nghiêm túc đầy đủ chức năng đại diện chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban điều hành và các phòng ban đơn vị trong Công ty.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD và các công tác khác đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế tại Công ty.

- Chủ động cho ý kiến chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn kịp thời tạo điều kiện cho việc chỉ đạo, tổ chức SXKD của Ban điều hành.

- HĐQT quyết định phê duyệt các hạng mục đầu tư, phát triển mở rộng mạng lưới đường ống, phát triển khách hàng tại các khu vực mà Công ty có khả năng kinh doanh nước sạch. Trên cơ sở phân tích, biểu quyết của các thành viên HĐQT theo sự đề xuất của Ban điều hành phục vụ việc SXKD thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và các công việc phát sinh khác theo thực tiễn.

- Hoạt động quản lý tài chính luôn được HĐQT chú trọng đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công khai theo đúng quy định của pháp luật, lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Việc quản lý công tác tài chính được đánh giá trên cơ sở kiểm soát thường xuyên của Ban kiểm soát Công ty và các ý kiến đánh giá của Kiểm toán độc lập trên cơ sở Báo cáo soát xét giữa năm và Báo cáo kiểm toán năm tài chính.

- HĐQT luôn luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các hoạt động: tổ chức SXKD, công tác tài chính, việc thực hiện các chế độ tiền công, tiền lương với người lao động, phân chia lợi nhuận với các cổ đông đảm bảo nguyên tắc độc lập, công khai minh bạch theo các quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan khác.

- HĐQT thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định của Điều lệ Công ty, các văn bản pháp luật liên quan tới các cổ đông.

- Quy chế công bố thông tin được thực hiện nghiêm túc theo quy định của UBCK Nhà nước, phù hợp với đặc thù Công ty là Công ty đại chúng quy mô lớn.

2. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đề ra được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực tế triển khai thực hiện, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua là đúng thẩm quyền, đi vào thực chất và đạt hiệu quả. HĐQT đã xây dựng được một tập thể đoàn kết, từng cá nhân làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng. Trong quan hệ với Ban điều hành và các tổ chức chính trị đoàn thể, HĐQT luôn tạo điều kiện và thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình.

- Năm 2022, dịch Covid-19 và chiến sự giao tranh giữa các nước tác động không nhỏ đến nhiều lĩnh vực nhưng HĐQT Công ty đã cùng Ban điều hành chỉ đạo phần

đầu thực hiện tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	So với KH mà ĐH đề ra (%)
1	Doanh thu tiền nước (<i>không bao gồm VAT và phí nước thải</i>)	Tỷ đ	244,3	98,2
2	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	23,503	97,5
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	30,506	102,7
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8	123,1

- Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

+ Năm 2022, Ban điều hành Công ty với sự cố gắng đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao theo sự chỉ đạo và hỗ trợ của HĐQT và Đảng ủy Công ty. Việc quản lý điều hành đã có một số kết quả nổi bật như sau:

Các chỉ số về tài chính tốt, vốn doanh nghiệp được bảo tồn và phát triển;

Thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động được tăng trưởng và cải thiện;

Đặc biệt nhiệm vụ SXKD nước sạch là mặt hàng kinh doanh chính của Công ty được duy trì đảm bảo sản xuất đáp ứng 03 tiêu chí an toàn, dịch vụ khách hàng đã có nhiều đổi mới tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng niềm tin của khách hàng.

Các nghĩa vụ với Nhà nước, người lao động, cổ đông thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời.

- Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật liên quan khác. Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ chung.

+ Là cầu nối giữa HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông trong thực hiện hài hòa các lợi ích và quyền lợi. Phát huy được sự độc lập tự chủ trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

3. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023

Đại hội cổ đông lần này là Đại hội kết thúc 5 năm nhiệm kỳ lần thứ nhất của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình HĐQT đã chỉ đạo, điều

hành công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như triển khai thành công các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền lợi của các cổ đông của Công ty.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2018-2023

T T	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		So sánh năm 2018 với 2023 (%)
			KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
1	Sản lượng nước sạch doanh thu	Triệu m ³	20,35	20,8	21,9	22,9 4	22,28	22,95	23,41	23,44	24,057	23,503	+13
2	Tổng doanh thu	Tỷ đ	195,3	213,4	224,6 9	234, 7	232	250,7	240,7 2	256,3	248	266,5	+24, 88
3	Nộp ngân sách	Tỷ đ	16,3	23,6	22	30	28	32	33	35,5	34	34,1	+44, 5
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	14,4	17,45	23	25,9 0	25	27,89	33,5	37,12	29,5	38,5	+120 ,6
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	4,0	4,5	4,5	6,0	5,5	6,5	6,0	9,75	6,5	8,0	+77, 8
6	Lao động bình quân	Người	524	524	525	525	501	501	501	501	500	500	- 4,5
7	Bảo toàn vốn	Tỷ đ	360,5	360,5	369,6	369, 6	374,8	374,8	387,8	387,8	396,5	396,5	+10

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ đầu tiên (2018-2023) HĐQT đã ban hành các văn bản với nội dung quan trọng để triển khai thực hiện đảm bảo hoạt động của Công ty, dưới sự lãnh đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành các chỉ tiêu sản xuất hàng năm đều tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đời sống người lao động ngày càng cải thiện, hoàn thành vượt mức kế hoạch. HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao.

4. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và nhiệm kỳ 2023-2028

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị xây dựng phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2023 và nhiệm kỳ 2023-2028 cụ thể như sau:

- Tập trung chỉ đạo thực hiện:

+ 4 tăng: tăng thị trường; tăng doanh thu; tăng lợi nhuận; tăng ý thức và trách nhiệm.

+ 2 giảm: giảm tỷ lệ thất thoát; giảm chi phí giá thành.

+ 5 hài hòa: lợi ích cho Nhà nước; cho Công ty; cho xã hội; cho cán bộ công nhân viên và cho các cổ đông.

- Chỉ đạo triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 một cách cụ thể, hiệu quả, thường xuyên giám sát, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ban điều hành cũng như Ban kiểm soát một cách đồng bộ nhất quán. Phần đầu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đề ra.

- Đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh lại quy hoạch cấp nước sạch cho thành phố Nam Định

- Tập trung triển khai dự án Nhà máy nước tại huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.

- Tập trung chỉ đạo việc nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước và phát triển khách hàng.

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện công tác chống thất thu thất thoát trong toàn Công ty theo lộ trình của Chính phủ quy định.

- Khai thác và phát triển cấp nước cho khách hàng mới và các khu chức năng, KCN có nhu cầu sử dụng nước.

- Chỉ đạo theo dõi sát sao chất lượng nước thô đầu vào, xử lý kịp thời những nguy cơ làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thương phẩm.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định trong hệ thống quy chế quản lý nội bộ, quản trị doanh nghiệp phù hợp với các quy định của Nhà nước và đặc thù của Công ty.

- Điều chỉnh các định mức về lao động, vật tư, hóa chất, điện năng ... phù hợp với thực tế; hoàn thiện quy chế khoán quản cho các đơn vị đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ, tạo điều kiện tốt nhất để Ban điều hành, Ban kiểm soát chỉ đạo, tổ chức SXKD thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT. Chú trọng công tác đánh giá hiệu quả đầu tư, quy trình chỉ đạo SXKD và sử dụng vốn và các nguồn lực khác.

- Tăng cường công tác quan hệ với các cổ đông, đặc biệt là cổ đông lớn, cung cấp đầy đủ thông tin tới các cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời và minh bạch theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ 4.0 cũng như các phương pháp quản lý tiên tiến hiện đại trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiết kiệm vật tư, điện năng, hóa chất, tăng năng suất lao động để hiệu quả kinh doanh cao hơn.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 và nhiệm kỳ 2023-2028 của HĐQT Công ty. HĐQT trân trọng tiếp thu các ý kiến đóng góp của các cổ đông trong Công ty để hoàn thiện hơn nữa việc quản lý và điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã về dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 nhiệm kỳ 2023 - 2028. Chúng tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ mà Đại hội giao với tinh thần trách nhiệm cao, công tâm, khách quan, trung thực và cần trọng đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, đáp ứng sự mong đợi, ủy quyền của các cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
NAM ĐỊNH
T. P. NAM ĐỊNH - T. NAM ĐỊNH
M. S. D. N. 0101000000



Trần Đăng Quý

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Nam Định, tháng 03 năm 2023

Nam Định, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/04/2021

Căn cứ Quy chế quản lý nội bộ Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 01-2022/NQ- ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/04/2022.

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-BKS ngày 23 tháng 04 năm 2021

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định (BKS) báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 công tác hoạt động của BKS năm 2022 như sau:

I. MỤC TIÊU KIỂM SOÁT

1. Kiểm soát tuân thủ: Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

2. Kiểm soát hoạt động: Xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, kiểm tra tại các Chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng từ đó đề xuất kiến nghị những giải pháp phù hợp cho Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty.

3. Kiểm soát Báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, cả năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính, giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm Soát

Số TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp

1	Nguyễn Thị Luyến	Trưởng ban	22/04/2022	3	75%	Cuộc họp thứ I chưa tham gia BKS
2	Trần Hồng Đức	KSV	13/12/2017	4	100%	
3	Nguyễn Văn Ngôn	KSV	13/12/2017	4	100%	

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành của Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

- Hàng quý Ban Kiểm soát đều tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin nội bộ nhằm mục đích kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo chức năng quy định.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty.

- Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, giám sát các hoạt động và đưa ra các ý kiến về báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty

- Theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản; xem xét các chỉ số và tỷ trọng chỉ tiêu hàng quý và năm thông qua các buổi họp định kỳ của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, và các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT và TGD chủ trì để nắm bắt kịp thời tình hình SXKD của Công ty, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.

- Phối hợp với các phòng ban trong công tác kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng quản trị, hạn chế và phòng ngừa rủi ro.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/04/2022 và Quyết định/QĐ- LĐTL của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch năm 2022 đối với Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

- Thù lao Trưởng ban kiểm soát: 4.000.000 đ/tháng/người

- Thù lao Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 3.000.000 đ/tháng/người

Công ty đã chi và hạch toán tiền thù lao của Ban kiểm soát theo đúng quy định.

4. Tổng hợp các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Cuộc họp lần thứ nhất ngày 15/04/2022: Thông qua báo cáo giám sát, thông qua kế hoạch giám sát tổ chức ĐHĐCĐ, xây dựng Báo cáo quản trị của Ban Kiểm soát năm 2022. Trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý I/2022 của Công ty

Cuộc họp lần thứ hai ngày 02/05/2022: Trưởng ban kiểm soát mời tiếp nhận công việc bàn giao từ Trưởng ban kiểm soát cũ và triển khai công tác của ban kiểm soát.

Cuộc họp lần thứ ba ngày 24/10/2022 Thông qua các chỉ tiêu BCTC quý III/2022. Triển khai công tác soát xét các công trình xây dựng cơ bản dở dang, các khoản công nợ và triển khai công việc trong 3 tháng cuối năm.

Cuộc họp lần thứ tư ngày 30/12/2022: Tổng kết công tác năm 2022, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên BKS. Trao đổi các nội dung kiểm tra hoạt động SXKD, BCTC quý IV, cả năm 2022

Trong quá trình làm việc, Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các email, điện thoại để hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao.

Trên cơ sở kiểm soát, Ban kiểm soát nhận thấy Công ty tuân thủ đúng Pháp luật, không có thiếu sót trọng yếu, các yếu tố rủi ro có thể xảy ra được dự báo trước để có biện pháp phòng ngừa.

5. Đánh giá kết quả từng thành viên.

5.1 Bà Nguyễn Thị Luyện: Trưởng ban

Trưởng ban kiểm soát đã thực hiện đúng quyền và trách nhiệm theo Điều lệ Công ty; Thực hiện triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Kiểm soát; Đề nghị HĐQT, Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin liên quan phục vụ công việc của BKS, tổng hợp và lập báo cáo của Ban kiểm soát sau khi có ý kiến tham khảo của HĐQT và trình lên ĐHĐCĐ, tổng hợp và lập biên bản kiểm soát định kỳ và đột xuất của Ban Kiểm soát, phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành.

Thường xuyên cập nhật các chế độ, quy định của Pháp luật để kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát về công tác đầu tư, sổ sách chứng từ kế toán.

Cùng với các thành viên BKS sâu sát trong việc kiểm soát hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2022, bám sát theo định hướng phát triển được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

5.2 Ông Trần Hồng Đức – Kiểm soát viên – Thành viên không chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

-Soát xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm

-Kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, hoạt động sản xuất nước.

-Kiểm soát công tác hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước.

-Kiểm soát tiền mặt, ngân hàng, công nợ, vật tư, tài sản ngắn hạn.

-Và các công việc khác theo sự phân công của trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong công việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

5.3 Ông Nguyễn Văn Ngôn – Kiểm soát viên – Thành viên không chuyên trách.

Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ cụ thể sau:

-Soát xét BCTC quý, 6 tháng và cả năm

-Kiểm soát việc thực hiện SXKD bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ.

-Kiểm soát thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động.

-Kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật: Thuế, phí, BHXH, BHYT, BHTN và các nghĩa vụ tài chính khác.

-Kiểm soát việc phân chia cổ tức, thời gian chi trả cổ tức cho các cổ đông.

-Và các công việc khác theo sự phân công của trưởng ban.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ đã bám sát nhiệm vụ được phân công, chủ động trong công việc, phối kết hợp chặt chẽ với các thành viên BKS.

Trên cơ sở kết quả nêu trên, Ban kiểm soát tự đánh giá Tập thể BKS và các thành viên BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; quá trình kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc và các mặt hoạt động khác của Công ty.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD

1. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022

Ban kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thống nhất đánh giá kết quả thực Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1.	Sản lượng nước sản xuất	Triệu m ³	31,447	31,150	99,05
2.	Sản lượng nước sạch thương phẩm	Triệu m ³	24,057	23,503	97,7
3.	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	248	244,01	98,4
4.	Doanh thu lắp đặt (Khách hàng đầu tư kinh phí)	Tỷ đồng	20,8	20,04	96,3
5.	Doanh thu nước Thiên Trường	Tỷ đồng	2,3	2,05	89,1
6.	Khách hàng sử dụng nước	K/hàng	156.380	156.000	99,7
7.	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đ	8,6	8,6	100
8.	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	34	33,7	99,1
9.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33	35,1	106,4
10.	Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	%	6,5	8	123,1

Nhận xét: Năm 2022, mặc dù phải chịu ảnh hưởng tác động của dịch bệnh Covid-19 nhưng công tác SXKD của Công ty vẫn đảm bảo an toàn, ổn định. Các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và hoàn thành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 22/04/2022 đề ra.

2. Kết quả giám sát tài chính

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO, xem xét các hồ sơ kế toán đến thời điểm 31/12/2022. Sau khi xem xét, kiểm tra Ban kiểm soát có nhận xét như sau:

- Công ty đã lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2022 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thực hiện hạch toán của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 200/2014 – BTC.

- Công ty tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và nhất quán, phù hợp với đặc điểm SXKD và yêu cầu quản lý của Công ty

- Báo cáo tài chính năm 2022 phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty từ 01/01/2022 đến 31/12/2022. Ban Kiểm soát nhất trí với BCTC năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VaCo (www.vaco.com.vn).

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

(Số liệu được trích từ BCTC đã được kiểm toán)

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch
A	Tài sản ngắn hạn	88.237.435.519	103.040.137.713	(14.802.702.194)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	61.462.944.861	56.694.518.758	4.768.426.103
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.121.876.003	19.768.528.716	(16.646.652.713)
IV	Hàng tồn kho	19.907.609.528	19.918.996.817	(11.387.289)
V	Tài sản ngắn hạn khác	3.745.005.127	6.658.093.422	(2.913.088.295)
B	Tài sản dài hạn	410.059.724.216	396.822.873.856	13.236.850.360
I	Tài sản cố định	384.452.375.197	301.789.180.478	82.663.194.719
1.	Tài sản cố định hữu hình	383.806.360.835	301.430.830.500	82.375.530.335
2.	Tài sản cố định vô hình	646.014.362	358.349.978	287.664.384
II	Tài sản dở dang dài hạn	13.334.551.433	81.738.109.433	(68.403.558.000)
III	Đầu tư tài chính dài hạn			
IV	Tài sản dài hạn khác	12.272.797.586	13.295.583.945	(1.022.786.359)
	Tổng cộng tài sản	498.297.159.735	499.863.011.569	(1.565.851.834)
C	Nợ phải trả	127.903.693.430	112.038.977.186	15.864.716.244
I	Nợ ngắn hạn	73.901.751.410	60.011.751.846	13.889.999.564
II	Nợ dài hạn	54.001.942.020	52.027.225.340	1.974.716.680
D	Vốn chủ sở hữu	370.393.466.305	387.824.034.383	(17.430.568.078)
I	Vốn chủ sở hữu	370.393.466.305	387.824.034.383	(17.430.568.078)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	343.117.480.000	343.117.480.000	0
2.	Cổ phiếu quỹ	(845.370.000)	(845.370.000)	0
3.	Quỹ đầu tư phát triển	8.738.760.740	8.427.516.740	311.244.000
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.382.595.565	37.124.407.643	(17.741.812.078)
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác			
	Tổng cộng nguồn vốn	498.297.159.735	499.863.011.569	(1.565.851.834)

b. Bộ chỉ số đánh giá sức khỏe tài chính của Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
I. Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	0,823	0,794
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,177	0,206
II. Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Vốn CSH	0,345	0,289
2	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,257	0,224
3	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	0,743	0,776
III. Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK/Nợ NH)	1,082	1,385
2	Khả năng thanh toán hiện hành (TSNH/Nợ NH)	1,194	1,717
IV. Hiệu quả			
1	Tỷ suất sinh lợi của tổng tài sản - ROA (LNST/Tổng TS)	6,120%	7,426%
2	Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu - ROE (LNST/Vốn CSH)	8,234%	9,572%
3	Tỷ suất sinh lợi doanh thu thuần - ROS (LNST/Doanh thu thuần)	11,461%	14,639%
4	EPS - Tỷ suất lợi nhuận trên cổ phiếu (LNST/Tổng cổ phiếu lưu hành bq)	891	984
5	BV- Giá trị sổ sách (Tổng Tài sản – TSCĐ vô hình – Tổng nợ)/ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	10.802	11.320

Nhận xét: Theo bộ chỉ số trên, phần lớn các chỉ tiêu đều phản ánh tốt sức khỏe tài chính của Công ty.

c. Tình hình các khoản công nợ

* Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch
Phải thu của khách hàng	1.191.150.864	2.677.575.726	(1.486.424.862)
Trả trước cho người bán	372.598.000	12.051.739.386	(11.679.141.386)
Phải thu ngắn hạn khác	1.558.127.139	5.039.213.604	(3.481.086.465)

Nhận xét:

Trong năm 2022 các khoản nợ phải thu cuối kỳ giảm cho thấy trong năm Công ty đã chỉ đạo sát sao công tác thu hồi công nợ và không để phát sinh thêm nợ xấu. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ phải thu của khách hàng cũng như khoản ứng trước cho người bán còn tồn đọng liên quan đến một số công trình.

*Các khoản phải trả:

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021	Chênh lệch
Nợ ngắn hạn	73.901.751.410	60.011.751.846	13.889.999.564
Nợ dài hạn	54.001.942.020	52.027.225.340	1.974.716.680

d. Công tác đầu tư XDCB

Trên cơ sở các dự án, công trình đầu tư XDCB được HĐQT đã phê duyệt chủ trương đầu tư.

*Các công trình hoàn thành qua TK241 "Xây dựng cơ bản dở dang" trong năm 2022

- Tổng số công trình: 91

- Tổng giá trị: 153.854.201.480 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo- Phụ lục 01)

* Các công trình còn dở dang trên TK 154" Chi phí SXKD dở dang" chuyển tiếp năm 2023

- Tổng số công trình: 63

- Tổng giá trị dở dang: 13.100.480.562 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo- Phụ lục 02)

Nhận xét: Ngay từ đầu năm 2022, Công ty đã tập trung các nguồn lực cho việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, triển khai các dự án, hạng mục công trình cấp nước theo kế hoạch đề ra. Công ty đã triển khai thực hiện thi công xây dựng hoàn thiện các gói thầu thuộc dự án cấp nước cho khu vực 7 xã phía Bắc Huyện Ý Yên, cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước tại một số khu vực để mở rộng và phát triển khách hàng. Các hạng mục, công trình cơ bản hoàn thành theo kế hoạch và tiến độ đề ra. Đây là những công trình quan trọng, thiết yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất KD của Công ty. Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy giá trị kinh tế, xã hội đảm bảo mục tiêu cung cấp đầy đủ nước sạch sinh hoạt cho nhân dân và nước sạch sản xuất cho các cơ quan doanh nghiệp.

e. Tài sản tăng trong năm 2022: 146.559.778.196 đồng

Trong đó:

- TSCĐ tăng từ đầu tư XDCB hoàn thành: 143.521.778.196 đồng

- TSCĐ tăng từ mua sắm trong năm: 2.623.000.000 đồng

- TS vô hình tăng từ mua sắm trong năm: 415.000.000 đồng

(Có danh sách chi tiết kèm theo – Phụ lục 03)

3. Giám sát việc thực hiện Nội quy, quy chế và đảm bảo chế độ, quyền lợi của người lao động

Công ty đã xây dựng được hệ thống các quy chế quản lý nội bộ: Quy chế về quản trị Công ty, Quy chế thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, Quy chế điều hành sản xuất kinh doanh, Quy chế về tổ chức và hoạt động, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động... Trong năm qua Công ty đã tuân thủ đúng và nghiêm chỉnh các quy định trong điều lệ Công ty, Quy chế quản lý nội bộ và các quy định khác của pháp luật

Các chế độ quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng Luật lao động; việc chi trả lương hàng tháng thực hiện đúng thời gian quy định, các chế độ thi đua khen thưởng cũng như các khoản phúc lợi được thực hiện đầy đủ, thu nhập của người lao động được đảm bảo ổn định và cao hơn kế hoạch.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

1. Đối với HĐQT

HĐQT đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/04/2022. HĐQT đã tổ chức 7 cuộc họp, ban hành 7 Nghị quyết và các quyết định, văn bản phê duyệt. Các cuộc họp và hoạt động của HĐQT được tổ chức và tiến hành đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành, được sự thống nhất cao của các thành viên.

2. Đối với Ban điều hành

Ban điều hành đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của pháp luật, chỉ đạo quyết liệt chi tiết, cụ thể kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị. Chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng Giám đốc điều hành SXKD; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Đối với Cổ đông

Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 số 03/NQ-ĐHĐCĐ 2022 ngày 22/04/2022 cụ thể:

- Chi trả cho cổ đông tổ chức: 11.328.954.400 đồng
- Chi trả cho cổ đông cá nhân: 2.340.365.280 đồng
- Nộp tiền cổ tức vốn Nhà nước : 13.587.452.000 đồng
- Nộp thuế TNCN 5%: 125.666.720 đồng
- Số cổ tức chưa chi trả : 0 đồng

Trong quá trình trả cổ tức BKS phối hợp với Công ty giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến quyền và nghĩa vụ của các cổ đông.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát luôn luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác trong các hoạt động của Ban. Sẵn sàng tiếp nhận thông tin kiểm tra xem xét khi có yêu cầu của HĐQT, của Ban Giám đốc và các Cổ đông.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, quyết định cho BKS, tạo điều kiện cho BKS trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, giúp BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

V. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018-2023

Đại hội cổ đông lần này là Đại hội kết thúc 5 năm nhiệm kỳ lần thứ nhất của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình Ban kiểm soát đã thực hiện tốt vai trò giám sát của mình, để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền lợi của các cổ đông của Công ty.

Ban kiểm soát xin báo cáo tổng quát kết quả hoạt động Công ty trong nhiệm kỳ 2018-2023, thể hiện qua các chỉ tiêu cụ thể như sau:

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
NHIỆM KỲ 2018-2023**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Sản lượng nước máy thương phẩm	Triệu m ³	20,93	21,94	22,95	23,44	23,5
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	26,8	25,2	25,0	24,0	24,0
3	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	198,09	224,7	236,8	244,5	244,01
4	Tổng số lao động	Người	520	511	501	501	500
5	Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	7,9	8,32	8,6	8,6	8,6
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	23,6	32,6	34,6	37,9	33,7
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,45	25,9	27,89	37,1	30,5
8	Tỷ lệ trả cổ tức	%	4,5	6,0	6,5	8,0	8,0

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ đầu tiên (2018-2023) dưới sự lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc các chỉ tiêu SXKD hàng năm đều tăng trưởng ổn định, năm sau cao hơn năm trước, đời sống người lao động ngày càng cải thiện, hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Qua 5 năm hoạt động, Ban kiểm soát nhiệm kỳ thứ nhất của Công ty cổ phần cấp nước Nam Định được sự tin nhiệm của Quý vị cổ đông sự phối hợp hỗ trợ tạo điều kiện của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 đã hoàn thành nhiệm vụ của mình.

VI. KIẾN NGHỊ

- Cuối năm 2022, một số hạng mục công trình thuộc Dự án cấp nước nước cho 7 xã phi Bắc huyện Ý Yên đã cơ bản hoàn thành. Đề nghị Công ty đôn đốc các nhà thầu thanh quyết toán dứt điểm vì công trình này đã bàn giao để đưa vào khai thác sử dụng từ Tháng 5 năm 2022.

- Quản lý tốt công tác đầu tư XDCB, chủ động mở rộng mạng lưới cấp nước, mở rộng thị trường tiêu thụ nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đầu tư và tăng cường các biện pháp chống thất thu thất thoát hiệu quả góp phần giảm tỉ lệ thất thoát nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đôn đốc việc thanh quyết toán công trình và thanh toán các khoản công nợ tạm ứng tại chi nhánh xây lắp.

- Quản lý và tiết giảm chi phí, tiết kiệm chi tiêu và tăng thu nhập cho người lao động.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

- Xem xét kế hoạch SXKD của Công ty năm 2023.
- Thẩm định BCTC quý, bán niên và cả năm 2023.
- Tham gia công tác chuẩn bị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT Công ty.
- Xây dựng báo cáo quản trị 6 tháng, cả năm và báo cáo thường niên trình ĐHĐCĐ
- Đánh giá lại cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự ĐHĐCĐ
- Đề xuất với hội đồng quản trị lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập cho báo cáo tài chính năm 2023.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về phân chia cổ tức năm 2022 và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023.
- Thực hiện chương trình soát xét:
 1. Soát xét các khoản chi phí sản xuất kinh doanh toàn Công ty năm 2023
 2. Soát xét lại tính hợp lý của toàn bộ các quy chế, văn bản quản lý nội bộ của Công ty ban hành xem còn phù hợp với năm 2023 hay không
 3. Soát xét về công tác đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa TSCĐ
- Tổng kết công tác Ban kiểm soát năm 2023.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nam Định về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các thành viên BKS năm 2022.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Nơi nhận:

- Tài liệu ĐHĐCĐ
- HĐQT
- Ban TGD
- Ban KS
- Lưu BKS



Nguyễn Thị Luyện

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XDCB HOÀN THÀNH
TRONG NĂM 2022 (PHỤ LỤC 01)**

Stt	Tên hạng mục công trình	Số tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Công Anh-Đ/D 77 cụm ĐH thay thế,lắp đặt xã Tân Khánh	28 931 540	
2	Lắp đặt tuyến ống tăng cường nguồn cấp nước cho tuyến đại lộ Thiên Trường	4 617 273	
3	Thay thế dịch chuyển 280 cụm ĐH nước xã Tân Khánh (Đợt 1) - Đ/d Phạm Văn Sáu (Mai)	74 727 273	
4	Phạm Văn Đạt Đ/D 19 cụm Đhó thay thế dịch chuyển xã Tân Khánh	4 653 176	
5	DC tuyến ống cấp nước PV cải tạo, NC tuyến đường phòng chống lụt bão... xã Tân Thành VB	475 864 527	
6	Thay thế đường trục HDPE32 và nâng cao, dịch chuyển 50 cụm ĐH phục vụ cải tạo đường ngõ xóm	37 285 206	
7	Dịch chuyển và thay thế 295 cụm ĐH đến niên hạn kiểm định - KV xã Yên Bình (đợt 1)	183 629 453	
8	Lắp đặt bổ sung đường trục HDPE OD40 cấp nước cho KV xã Yên Tiến và TT Lâm	29 194 674	
9	Trường đại Học Lương Thế Vinh+Khu nội trú-ND	12 974 486	
10	Nâng CS máy biến áp 50KVA-22/0,4KV- TT cổ lễ TN	4 000 000	
11	Nâng công suất CN cấp nước Vụ Bản và LD mạng lưới đường ống cấp nước cho KV ý Yên	127 403 143 894	
12	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước PV GPMB cải tạo nâng cấp đường nối Tam Thanh-Yên Lương	131 348 845	
13	Mở rộng quỹ đất dự phòng Chi nhánh cấp nước ý Yên	1 369 487 318	
14	Thay thế,nâng cấp tuyến ống uPVC OD200-180 và d/chuyển tuyến ống PEOD 50-40 bị a/huồng bởi LD c	448 716 687	
15	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước PVTC làm đường trục đường Nguyễn Đức Thuận-TT Gói	51 995 897	
16	Xử lý kỹ thuật tuyến ống HDPE-OD225 cắt ngang qua cống hộp thoát nước	11 120 026	
17	Dịch chuyển, thay thế,nâng cao 90 cụm Đhó trong tường bao ra ngoài	47 280 473	
18	Nâng cao năng lực truyền tải BS tuyến ống HDPE OD250 cấp nước xã Tân Khánh VB	5 897 707 647	
19	Dịch chuyển,thay thế 243 cụm ĐHó trong tường bao ra ngoài thuộc ĐHT xã Yên Dương	144 803 492	
20	Dịch chuyển tuyến ống PVGPMB dự án cải tạo NC đường	35 099 168	

22	Dịch chuyển, thay thế 294 cụm Đhố trong tường bao ra ngoài	184 253 215
23	Cài tạo,bổ sung, lắp đặt ĐHT trên MLCNS nâng cao NL quản trị mạng cho CN cấp nước Vụ Bản	365 074 532
24	Thay thế, DC 175 cụm Đhố DN15 đến niên hạn kiểm định(Đ3/2021)	180 643 389
25	Dịch chuyển, thay thế 330 cụm Đhố trong tường bao ra ngoài Đợt3	195 170 340
26	Bổ sung lắp đặt đường trục cấp nước HDPE-OD40	32 366 524
27	Thay thế, dịch chuyển 165 cụm Đhố DN15 đến niên hạn kiểm định	175 644 684
28	Thay thế van DN150 nhà máy nước Cát Thành+Trục Nội	14 530 000
29	Sửa chữa, bổ sung vật liệu lọc cho bể lọc dây chuyền xử lý nước fa II	95 459 022
30	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước phục vụ cải tạo và nâng cấp tuyến đường sắt HN-Vinh	87 724 977
31	Thay thế tuyến ống HDPE 25 bằng tuyến ống HDPE 40 PVTC làm đường đoạn qua Phú Vân-đến QL38B	6 683 244
32	Lắp đặt 95 hộ gia đình Đ/D: Ngô Quốc Việt xã Tân Khánh (đợt 1)	23 370 507
33	Bảo dưỡng 2 tuyến ống thép DN250 cấp nước qua cầu đồ quan	120 948 700
34	Đổ đường bê tông, trát bể chứa,làm cầu thang sắt lên bể chứa 300m3	185 095 346
35	Xây dựng rãnh thoát nước	81 964 545
36	Đấu nối mạng lưới cấp nước và tiếp nhận 224 hộ gd	24 189 825
37	Đổ đường bê tông, gia công nắp bể Inox, làm cầu thang sắt lên bể chứa và gia công rê quạt chắn	65 628 182
38	Thay thế,DC 264 cụm ĐHố nước xã Tân Khánh đợt 3. Đ/d Đỗ Thị Tắm	68 236 229
39	Thay thế,DC 261 cụm ĐHố nước xã Tân Khánh đợt 2 (Trần Bá Ba (Nga) Đ/d	68 701 419
40	Nguyễn Văn Tuyên-Đ/D 280 cụm ĐHố xã Tân Khánh đợt 5	74 727 273
41	Lê Ngọc Tiến-Thay thế&cài tạo 300 cụm ĐHố xã Tân Khánh đợt 4	81 545 455
42	Thay thế 262 cụm Đhố đến niên hạn kiểm định đợt 1	257 079 908
43	Thay thế ống HDPE OD32 khu TT Lâm+LD đường trục bổ sung HDPE OD50 khu giãn dân tổ 8TT Lâm	38 049 499
44	Lắp đặt đấu nối hệ thống cấp nước cho KĐT TT Cổ Lễ	67 069 958

46	Cải tạo sân đường và lối đi vào trạm biến áp 600KVA Trạm bơm hợp khối	22 922 923
47	Sửa chữa lắp đặt hệ thống chống sét tại khu văn phòng&khu sản xuất	26 407 547
48	CT lợp mái chống thấm khu nhà Trạm bơm dây chuyền xử lý nước hợp khối	220 705 677
49	Dịch chuyển và thay thế 289 cum đồng hồ đến niên hạn (đợt 2 năm 2022)	174 964 196
50	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước bị ả/h do thi công cống thoát nước	38 532 594
51	Bảo dưỡng SC hệ thống máy bơm & tủ điện trạm bơm cấp nước sạch Vụ Bản	114 221 000
52	Thay thế cửa nhà vận hành trạm bơm cấp II	28 190 000
53	Thay đường trục cấp nước do trục cũ nằm trong nhà dân	11 778 998
54	Thay thế, nâng cấp tuyến ống UPVC OD225 cấp nước cho 9 đội TT Cổ Lễ và xã Phương Định	3 656 238 385
55	Cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước cho 2 thôn Đại Thắng I+II xã Phương Định	800 193 765
56	Thay thế lồng chắn rác đầu ống hút nước thô OD355 -Trạm bơm nước thô CN cấp nước ý Yên	78 017 736
57	Dịch chuyển tuyến ống HDPE OD40, NC 51 cum ĐHô	53 807 841
58	T/ thế tấm lợp Lamella cho bể lắng,c/tạo,t/thế chụp lọc bằng đan lọc 2 tầng HDPE cho bể lọc-D/	3 161 404 772
59	CT xây dựng cải tạo tường rào bảo vệ (GD1)	247 249 074
60	Dịch chuyển và thay thế 277 cum ĐHô đến niên hạn (đợt 3-2022)	216 098 970
61	Lắp đặt tuyến ống để tăng cường cấp nước cho KV phía bắc QL10	20 521 136
62	Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE-PE80-OD32 PN10	9 159 974
63	DC, thay thế tuyến ống gang DN80 bằng ống HDPE-OD90 PV nâng cấp tuyến Đ10 cũ ra phà Tân Đệ	30 418 250
64	DC, thay thế tuyến ống, nâng cấp tuyến đường thôn Đại Lại-Xã Vĩnh Hào+xã Pheo-Kim Thái	45 668 616
65	Bổ sung đường trục cấp nước phát triển khách hàng TT Cát Thành	57 286 095
66	Cải tạo thay thế tuyến ống cấp nước HDPE DN32-25 tuyến ống bằng tuyến ống HDPE DN40	191 820 609
67	Đấu nối lại ống HDPE OD280 qua cầu thôn Phú Thứ+đóng cọc tre,gia cố HDPE OD355	34 697 971
68	LD, thay thế đường trục HDPE OD32 bằng đường trục HDPE OD40	12 999 122
	Lắp đặt BS đường trục cấp nước HDPEOD40 cho xã Yên Thọ(thuộc CT:	

70	Lắp đặt đường ray giàn gặt bùn bể sơ lắng Hợp Khôi	72 621 000	
71	Cải tạo trạm bơm trung chuyển cấp nước phục vụ 7 xã ý Yên	51 591 612	
72	Dịch chuyển và thay thế 255 cụm ĐHố đến niên hạn đợt 4/2022	259 430 022	
73	Xây dựng nhà để xe cho CB CNV chi nhánh Cơ Điện	16 839 600	
74	Thay thế ĐHT DN150 khu vực Minh Tân và DN100 KV TT Gói	49 623 000	
75	Đổ bê tông sân,c/tao,s/chữa,lần sơn,quét vôi ve các CT XD CN ý Yên	818 831 480	
76	Dịch chuyển và thay thế 300 cụm ĐHố đến niên hạn kiểm định(đợt 5-2022)	301 194 355	
77	Lắp đặt đường trục cấp nước để phát triển khách hàng	25 123 781	
78	Bổ sung đường trục cấp nước phát triển khách hàng xã Việt Hùng	10 089 945	
79	Thay thế đoạn ống thép DN150 bị rò rỉ bằng tuyến ống HDPE OD160	7 177 269	
80	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước PV thi công làm đường trục thôn Vân Tập	14 378 299	
81	Đầu nối bể chứa, điều tiết nước tại CN Vụ Bản	258 508 225	
82	Lắp đặt đường trục HDPE OD40 khu dân thôn Tu Cổ	20 659 235	
83	Thay thế đường trục HDPE OD32 bằng đường trục HDPE OD40	32 345 277	
84	Bổ sung đường trục cấp nước cho khu dân cư xã Yên Phương	198 651 141	
85	Bổ sung đường trục cấp nước cho xã Yên Phương và trường THCS Yên Nghĩa	75 777 396	
86	Dịch chuyển và thay thế 310 cụm ĐHố đến niên hạn kiểm định (đợt 6/2022)	285 564 825	
87	Thay thế đồng hồ đo lưu lượng nước thô cho trạm bơm 1 Cát Thành - huyện Trục Ninh	111 915 900	
88	Bổ sung tuyến ống HDPE OD225,Thay thế tuyến ống HDPE OD90-75 Đạt Hòa,dầu nối&DC 215 cụm ĐHố ra	2 619 839 262	
89	Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho khu dân cư đê Hữu Sông Đào	35 202 002	
90	Dịch chuyển, cải tạo trạm bơm hóa chất PAC	31 707 430	
91	Cải tạo,sửa chữa nhà hành chính + nhà bơm	321 670 371	
Cộng		153 854 201 480	

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỒ DANG TRÊN
TK154 CHUYỂN SANG NĂM 2023 (PHỤ LỤC 02)**

Số tt	Tên hạng mục, công trình	Số tiền (đ)	Ghi chú
1	Các công trình có giá trị trên 5 triệu đồng		
1	Dịch chuyển tuyến ống HDPE đường Kênh	20 133 256	
2	XL k.thuật các tuyến ống cấp nước trong khu dân cư p.vụ việc GPMB XD KẾT Thống Nhất-GĐ3	116 583 645	
3	Cty CP Xây dựng Giao Thủy (Chủ ĐT) - Italia D150	56 318 088	
4	D/C tuyến ống đường Hùng Vương, Trần Tế Xương, Lê Hồng Phong - Bị ảnh hưởng do việc nâng cấp CSHT	57 750 110	
5	D/C tuyến ống đường Trần Hưng Đạo - Bị ảnh hưởng do việc nâng cấp CSHT	25 797 300	
6	D/C tuyến ống đường Đệ Tứ - Bị ảnh hưởng do việc nâng cấp CSHT	47 120 157	
7	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước HDPE phục vụ việc cải tạo, nâng cấp đường Đặng Việt Châu	27 068 699	
8	Dịch chuyển tuyến ống hệ đường Lê Hồng Phong	7 901 384	
9	Dịch chuyển và thay thế 234 cụm ĐH DN15 đến niên hạn kiểm định (Đợt 1 - Năm 2022)	166 025 207	
10	LĐ tuyến ống nhựa HDPE-PE80-OD50 để PT khách hàng dùng nước	8 912 288	
11	Lắp đặt tuyến ống nhựa HDPE-PE80-OD63, PN10 và HDPE-PE80-OD50.....đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	18 287 985	
12	Nâng cao cụm ĐH cho các khách hàng bị ảnh hưởng do việc nâng cấp cơ sở hạ tầng	13 141 663	
13	Nâng cao một số cụm ĐH đo lưu lượng nước do việc cải tạo, nâng cấp ngõ 14 và ngõ 63 đường Đặng Việt Châu	10 752 738	
14	Nâng cao một số cụm ĐH đo lưu lượng nước do việc cải tạo, nâng cấp ngõ 41 và 55 Đặng Việt Châu	5 578 840	
15	Nâng cao nền sân khu vực chi nhánh cơ điện	56 109 514	
16	Thay thế đoạn ống thép D150 bị han bằng đoạn ống nhựa HDPE-OD160	12 183 305	
17	Tuyến ống PE OD450 đường Trần Hưng Đạo	1 868 929 000	
18	Xây dựng tuyến ống cấp nước cho nhà máy điện rác GREENITY Nam Định và các KH khu vực QL38B	547 671 168	
19	Xử lý hệ thống tuyến ống c.nước cắt ngang qua tuyến đg trục TT phía Nam TP	28 726 210	
20	Cty CP Thương Mại & Đầu tư XD An Hòa - D20 Cấp B	9 265 528	

Số tt	Tên hạng mục, công trình	Số tiền (đ)	Ghi chú
21	Thay thế tuyến ống nước thô HDPE DN560 và tuyến ống nước sạch HDPE DN400 bị ảnh hưởng bởi DA XD cụm CN Thanh Cối huyện Vụ Bản.	3 965 770 103	
22	LĐ bổ sung đường trục cấp nước cho 6 hộ thôn Quĩ Thượng	8 496 084	
23	Cải tạo sửa chữa nhà van phòng, TB II, nhà hoá chất và LD bơm định lượng hoá chất TT Cát Thành TN	27 992 500	
24	Bổ sung, thay thế tuyến ống HDPE OD75-40 bằng tuyến HDPE 90.40đội 2 TT cỡ lẻ CN trục Ninh I	98 937 735	
25	Thay thế đoạn ống thép DN 150 bị rò rỉ bằng ống HDPE OD160 yên tiến ý yên	7 177 269	
26	Thay thế cải tạo 112 cụm đồng hồ cơ quan tại TP nam Định	175 443 198	
27	Dịch chuyển và thay thế 258 cụm đồng hồ DN15 đến niên hạn kiểm định đợt 3 năm 2022- CN cấp nước số I Trục Ninh	193 058 728	
28	Cung cấp vật tư và thi công lắp đặt hệ thống cấp nước hạ tầng khu ĐT Mỹ Trung B -TPNĐ Cty CP tập đoàn Nam Cường Hà Nội - HD 61/2022/HĐCCTCCT/NC-CNNĐ	1 905 185 155	
29	G.thầu: TK, c.cấp VT, TC c.nước nguồn tam CL56-CL72 Mỹ Trung A& đ.nối nguồn, ldặt ĐH Mỹ Trung B	242 209 293	
30	Gói thầu: CC vật tư & TCHT c. nước lò CL1-CL21, CL78-CL82 và HH10-HH13 - Khu ĐT Mỹ Trung	1 907 882 157	
31	Gói thầu: TC hệ thống c.nước lò 11-13 khu ĐTM Mỹ Trung B và lò 22-26 Khu ĐTM Mỹ Trung A	797 693 556	
32	Gói thầu:Cung cấp VT và TC hệ thống c.nước lò CL36-CL42. CT:Hạ tầng KT-KĐTM Mỹ Trung-TPNĐ	631 799 916	
	Cộng	13 065 901 779	
II	Các công trình tư gia và công trình khác có giá trị dưới 5 triệu đồng (Có 31 hạng mục công trình)	34 578 783	
	TỔNG CỘNG	13 100 480 562	

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI SẢN TĂNG NĂM 2022 (PHỤ LỤC 03)

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Ghi chú
I/	Tài sản hình thành qua đầu tư XDCB		
1	Lợp mái chống thấm khu nhà trạm bơm dây chuyển xử lý nước hợp khối khu SX nước	220.705.677	
2	Mở rộng quỹ đất dự phòng CN cấp nước ý Yên (CN Xây lắp t/c)	1.369.487.318	
3	Đổ đường bê tông, trát bể chứa, làm cầu thang sắt lên bể chứa 300m3- CN ý yên	92.547.673	
4	Xây dựng rãnh thoát nước - CN ý yên	81.964.545	
5	Đổ đường bê tông gia công nắp bể Inox, làm cầu thang sắt lên bể chứa và g/c rẻ quạt chân qua sông - CN ý yên	65.628.182	
6	Đổ bê tông sân, cải tạo, SC, lăn sơn, quét vôi ve các CT XD trong khuôn viên CN ý Yên	818.831.480	
7	CT, nâng cấp trạm bơm cấp II CN Trực Ninh I Phần xây dựng	28.190.000	
8	Lắp đặt đường ray giàn gặt bùn bể sơ lắng Hợp Khối	72.621.000	
9	T/ thể tấm lắng Lamella cho bể lắng,c/tạo,t/ thể chụp lọc bằng đan lọc 2 tầng HDPE cho bể lọc-Dây chuyển xử lý nước hợp khối	3.161.404.772	
10	Máy đo độ đục để bàn dùng trong phòng thí nghiệm , LPV444-32-00210, HACH (3 chiếc máy cho 3 đơn vị sd: CNXS nước ND+ CN Vụ Bản + CN ý Yên)	248.100.000	
11	Máy rửa bình - CN nước Thiên Trường	33.564.815	
12	LĐ công nghệ cho TB nước thô Vụ Bản: Bơm ly tâm trục ngang Model:200x150	37.049.000	
13	LĐ công nghệ cho TB nước thô VB: Máy biến tần	77.172.000	
14	DC tuyến ống cấp nước pvct cải tạo và nâng cấp tuyến Đ sắt Hà Nội - Vinh	87.724.977	
15	Nâng công suất CN cấp nước Vụ Bản và LĐ mạng lưới đường ống cấp nước sạch kv huyện ý Yên		
+	Gói thầu số 02: Cung cấp, LĐ dây truyền xử lý nước CS2*3500m3 ng/d	411.936.695	
+	Gói thầu số 02: Cung cấp, LĐ dây truyền xử lý nước CS2*3500m3 ng/d	7.878.644.545	
+	Gói thầu số 02: Cung cấp, LĐ dây truyền xử lý nước CS2*3500m3 ng/d	1.914.470.131	
+	Gói thầu số 15: Nâng CS TBA cấp điện cho CN cấp nước ý yên từ 180KVA lên 320KVA 35(22)/0,4KV	330.101.667	
+	Khảo sát, thiết kế, tư vấn phục vụ dự án	3.814.068.133	
+	Gói thầu số 03: Xây dựng bể chứa, trạm bơm, cung cấp máy bơm và thiết bị đồng bộ.	2.941.888.484	

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Ghi chú
+	Gói thầu số 03: Xây dựng bể chứa, trạm bơm, cung cấp máy bơm và thiết bị đồng bộ.	2.364.381.904	
+	Gói thầu số 03: Xây dựng bể chứa, trạm bơm, cung cấp máy bơm và thiết bị đồng bộ.	4.970.760.242	
+	Gói thầu số 01: Cung cấp ống nhựa HDPE -PE100PN8-10	52.959.090.909	
+	Gói thầu số 04: Lắp đặt tuyến ống chính cấp nước cho KV huyện ý Yên và 07 xã phía bắc	17.030.764.298	
+	Gói thầu số 5: LD tuyến ống cấp 2+3 cho 06 xã Yên Hưng, Yên Phú, Yên Thành, Yên Phương, Yên Thọ, Yên Nghĩa.	22.857.976.364	
+	Tư vấn quản lý dự án	1.745.454.545	
+	Tư vấn giám sát	1.572.727.273	
+	Lắp đặt BS đường trục cấp nước HDPEOD40 cho xã Yên Thọ (thuộc CT: Nâng công suất CN cấp nước VB&YY)	27.195.537	
+	Bổ sung đường trục cấp nước cho xã Yên Phương và trường THCS Yên Nghĩa	75.777.396	
+	Bổ sung đường trục cấp nước cho khu dân cư xã Yên Phương	198.651.141	
16	BS tuyến ống HDPE OD225, thay thế tuyến HDPE OD90-75 đạt hoá ... Khu A+B+C+D ý Yên	2.619.839.262	
17	Xây dựng, cải tạo tường rào bảo vệ (gđ1) CN cấp nước VB	247.249.074	
18	Cải tạo trạm bơm trung chuyển cấp nước phục vụ 7 xã ý Yên	51.591.612	
19	San lấp mặt bằng phục vụ xây tường bao Chi nhánh cấp nước Vụ Bản	106.021.296	
20	Cải tạo, sửa chữa nhà hành chính + nhà bơm Chi nhánh cấp nước Vụ Bản	321.670.371	
21	Thay thế nâng cấp tuyến ống UPVC OD200-180 và DC tuyến ống PEOD50-40 bị ảnh hưởng bởi LD cống thoát nước CN Trục Ninh II	448.716.687	
22	Thay thế đồng hồ đo lưu lượng nước thô cho Trạm bơm 1 Cát Thành	111.915.900	
23	Lắp đặt đầu nối hệ thống cấp nước cho khu đô thị TT Cổ Lễ	67.069.958	
24	Lắp đặt đường trục HDPE OD50-40 cho thôn Hoà Bình xã Phương Định	40.153.498	
25	Cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước cho 2 thôn Đại Thắng I+II xã Phương Định - Trục Ninh	800.193.765	

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Ghi chú
26	Thay thế, nâng cấp tuyến ống UPVC OD225 cấp nước cho 9 đội TT Cổ Lễ và xã Phương Định (CNXL t/c)	3.656.238.385	
27	Thay thế lồng chắn rác đầu ống hút nước thô OD355 -Trạm bơm nước thô CN cấp nước ý Yên	78.017.736	
28	Dịch chuyển tuyến ống cấp nước PV GPMB cải tạo nâng cấp đường nối Tam Thanh-Yên Lương	131.348.845	
29	Cải tạo, bổ sung, lắp mới hố ĐHT trên mạng cấp nước NC NLQTM cho CN cấp nước Vụ Bản	365.074.532	
30	Thay thế đồng hồ tổng DN150 KV Minh Tân và DN100 KV đô thị TT Gò	49.623.000	
31	Cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước HDPE DN32-25 = ống HDPE DN40 thôn Tiến xã Tam Thanh	191.820.609	
32	Đầu nối bể chứa, điều tiết nước tại Chi nhánh Vụ Bản	258.508.225	
33	DC tuyến ống cấp nước PV cải tạo, NC tuyến đường phòng chống lụt bão... xã Tân Thành VB (CNXL t/c)	475.864.527	
34	Nâng cao năng lực truyền tải BS tuyến ống HDPE OD250 cấp nước xã Tân Khánh VB (CNXL t/c)	5.897.707.647	
35	Hệ thống cấp nước Xã Trục Nội - Trục Ninh	46.896.524	
36	MLCN TT Cát Thành gđ2: T/ống C1 HDPE OD225+ T/ống C2: BBình, BPhú, BLương, Btrung, Bhoàng, LPhú, Nam An, Phú Thọ, Bắc Hồng	57.286.095	
37	Nối mạng phát triển khách hàng cấp nước cho xã Việt Hùng gđ 1.2	10.089.945	
	Cộng	143.521.778.196	
IV/	TSCĐ hình thành do mua sắm - phương tiện vận tải		
1	Xe ô tô TOYOTA LANDCRUISER PRADO TRJ150L- GKTEK (7 chỗ) BKS 18A-28867	2.623.000.000	
	Cộng	2.623.000.000	
III/	Tài sản vô hình hình thành do mua sắm		
1	Phần mềm Chăm sóc khách hàng - Call center	300.000.000	
2	Xây dựng trang thông tin điện tử capnuocnamdinh.vn	115.000.000	
	Cộng	415.000.000	
	Tổng Cộng	146.559.778.196	